

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ BÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Sáng tác và biên khảo | THẾ THUY |
| — Hiện-pháp Trung-hoa với phổ-thông tuyến cứu | PHAN ANH |
| — Nhận xét nhỏ về dân quê Bắc-kỳ | TÂN PHONG |
| — Sử ta so với sử Tàu | Ứng-hòe NG. VĂN TỔ |
| — Bạn gái viết: Vài cảm tưởng nhỏ về Hoa và Bé | NGUYỄN THỊ THUẦN |
| — Tiểu thuyết Tàu | LÊ BÌNH CHÂN dịch |
| — Dành văn ngoại quốc: Rừng gia đình (Nguyên văn của G. K. Chesterton) | THÁI MẠC dịch |
| — Bi kịch: Lôi vũ (Nguyên văn của Tào Nạn — tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Vong ngô đồng | NGUYỄN TUÂN |
| — Đời sống Đông dương: Thượng hội nghị — Việc trợ cấp nạn nhân chiến tranh về những động sản bị tổn hại | V. H. |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 82 — NGÀY 9 SEPTEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giấy nói : 19.43 — GIÁ 0\$50

GIÁ BÁO. — BAC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN. LÃO 3 th. 6\$00. 6 th. 11\$00. 12 th. 20\$00

Sáng tác và biên khảo

THÊ THUY

Gần đây có một vài tác-giả, khi thấy người ta phê-bình nghiêm khắc sách của mình, đã đưa ra một lời chống chế ngây thơ : « Phải, tôi viết dở, tôi nhầm lẫn, nhưng còn hơn những ai hứa viết một cuốn sách mà ngày tháng qua vẫn để nó ngủ yên trong ngăn kéo ! » Tác-giả ấy ý chừng nghĩ rằng văn-chương, học-thuật nước ta hiện nay đang như vườn còn thừa cây, cần phải vứt vào đó thật nhiều thảo mộc, bất cứ tốt, xấu, để cho nó rậm rạp lên và có dáng điệu phong phú ; hoặc như một thân thể thiếu máu, cần phải nhồi cho an nhiều món, bất cứ sống, chín, mong nó to lên, có dáng điệu khỏe mạnh.

Chính vì tư-tưởng như vậy nên có nhà xuất-bản xét thấy nhiều sách viết còn non nớt hoặc chẳng có giá-trị gì chắc chắn, cũng cứ in ra cho nhiều, « để khuyến-kích, để cô võ », để « làm hoạt-động đồ-thành văn-học », theo lối nói kiểu cách của một ông văn-sĩ kiểu cách nào đó.

Cũng vì tư-tưởng như vậy nên có nhà phê-bình muốn được lòng mọi người, khi nói đến những tác-phẩm kỳ-quái, những nhầm lẫn về đồ sộ về phương-pháp của một số người tự cho mình là học-giả, đã kết-luận rằng : viết sai lẫn thực đấy, nhưng cũng nên khen vì có công-vun sỏi nền học thuật Việt-Nam (?)

Chúng ta cần phải nói cho các tác-giả, bình-giả và các ông chủ xuất-bản-cục đã nói trên biết cái nhầm lẫn của họ. Không gì nực cười bằng nói rằng muốn cho một nền học thuật được phong phú thì bất cứ ai cũng phải số nhau viết sách này sách nọ, ném bừa bừa vào công chúng. Về nghệ-thuật thì sự thành công là kết-quả của ma luyện công phu, và nếu không đạt tới sự tuyệt-mỹ thì chỉ là bỏ đi (la perfection ou zéro). Về khảo-cứu nếu không có tài lực, có lương tâm của nhà khoa-học trọng chân-lý, thì sách viết ra gieo sự nhầm lẫn cho người đọc. Ở địa hạt nghệ-thuật hoặc ở địa hạt khảo-cứu, độc-giá đều không cần đến những sáng tác non nớt, chỉ là một sự lập tành của tác-giả nó, đang tìm học và đang đi chép nhặt. Viết văn dễ in, dễ bán không giống như làm luận, ở nhà trường, thầy giáo bảo : « Nó viết dở, nhưng cần phải bắt nó viết, và cố gắng, để nó tập luyện ». Trên đàn văn người ta không chịu đựng được sự « vừa vừa tạm » (médiocrité). Nhà văn hoặc nhà khảo-cứu không phải là học trò. Cho nên cái người dễ ngủ trong ngăn kéo của họ một cuốn sách viết dở hoặc đã viết xong, có thể đáng khen lắm, vì họ đã nên được lòng ham phô trương mà can đảm nhận xét rằng tác phẩm của họ chưa đáng ra đời và lại của họ còn cần phải rèn luyện. Vườn có thừa thì dành vậy, để dần dần kỳ-hoa dị thảo đến tìm chỗ, vì cỏ dại và rong rêu chỉ làm trở ngại sự nảy nở của những cây quý. Thôi nào mà chẳng có những nhà phê-bình can đảm, chêm bụi phát có đề cao các cây lớn được có chỗ thở. Riêng nói về nghệ-thuật, Boileau ở thế-kỷ thứ 17 bên Pháp đã dự một phen lớn vào sự nâng những thiên-tài như Racine và Molière lên đài vinh quang, và giáng ngọ được đại chúng trong sự thần mĩ.

Cái lối sáng tác, biên khảo vội vàng, hấp tấp, đem những hào-nháng của danh-từ che đậy cho sự nghèo nàn của tư-tưởng, hoặc non nớt của tài nghệ, chính là bệnh của một số người mới cầm bút ở xứ này. Tuy vậy lửa rơm tắt sống đời lửa rơm. Và sự đào thải của thời-gian sẽ rất công bằng. Nhưng thấy bao nhiêu tâm-trí hoạt-động, bao nhiêu thời giờ mất, mà nghĩ rằng nó không mang được kết-quả gì tốt đẹp, vun sỏi, gầy dựng được một cái gì, mà có khi nó còn tác hại nữa, thì ta sao khỏi thấy buồn lòng.

THÊ THUY

Miến pháp Trung-hoa VỚI PHO THÔNG TUYỂN CỬ

PHAN ANH

Kỳ trước, xét về chế độ trực trị và bán phân trực trị, ta đã nhận rằng đối với một nước như Trung quốc, hiện nay những chế độ ấy chưa thể thi hành được, trừ một vài trường hợp đặc biệt mà ta sẽ có lúc bàn tới.

Vậy muốn sử dụng chủ quyền chính trị của mình quốc dân phải cử người đại diện.

Hiện nay, trong thời huấn chính, Quốc Dân đảng đại diện quốc dân. Điều 30 trong lâm thời ước pháp nói: « Trong thời kỳ huấn chính, thì hội nghị đại biểu toàn quốc của Quốc dân đảng thay mặt Quốc dân hội nghị (chưa thành tập) mà cầm quyền thống trị Trung ương. »

Lấy một đảng (nghĩa là một thiểu số, nhưng là một thiểu số có tổ chức mà lại hoạt động) để thay mặt cả toàn quốc mà định đoạt vận mệnh của quốc dân, như thế có hợp lý không? có công bằng không? có trái với nguyên tắc Dân chủ không? Đó là những vấn đề ta sẽ xét một kỳ sau.

Nhưng ta nên nhớ rằng tình thế ấy chỉ là một tình thế tạm thời, và chính trong hiến pháp lâm thời cũng đã tri định những nguyên tắc của một cách đại diện theo thường lý và sẽ thi hành khi Trung Quốc đã qua thời kỳ huấn chính.

Trong những nguyên tắc ấy có nguyên tắc quan trọng nhất là vấn đề *tuyển cử*, nghĩa là vấn đề trọn người thay mặt để tham dự trị quyền.

Mà trong vấn đề tuyển cử thì cốt yếu nhất là vấn đề: *ai có quyền đi bầu cử*, nó là một vấn đề căn bản của nền chính trị dân chủ, đã được nhiều phen thảo luận ở chính giới hoàn cầu, mà sẽ còn phải thảo luận nhiều vì nó là một phong trào đương tiền.

Mà nhất là đối với một quốc gia mới nhập-môn vào chế độ dân chủ, thì sự thảo luận đó lại càng cần cho người có trách nhiệm hướng-đạo để dân, mà cần cả cho nhân dân để họ nhận thấy rằng « *quyền* » không phải bao giờ cũng đi đôi với « *lợi* ».

Về quyền *tuyển cử* người ta thường phân biệt hai chế độ: chế độ *phổ thông tuyển cử* (suffrage universel) và *hạn chế tuyển cử* (suffrage restreint). Theo chế độ trên thì nhân dân trong nước ai ai cũng có quyền đi bầu cử, theo chế độ dưới thì quyền đi bầu cử hạn chế tùy theo điều kiện, mà đáng chú ý nhất là những điều kiện thuộc về tài sản, học thức và nam nữ.

Sự hạn chế theo tài sản là một chế độ thông thường lúc nền dân chủ sơ khai. Muốn có quyền cử tri thì phải có một bất động sản hay nộp một thuế tối thiểu nhất định. Thí dụ: hiến pháp 1793 của nước Pháp định rằng chỉ những người dân có nộp một xuất thuế bằng ba số tiền công nhật của thợ, lúc bấy giờ, tức là 1f50 mới được đi bầu cử. Ở nước Anh, về triều Henri VI, bắt đầu có lệ bắt buộc cử tri phải có một bất động sản mà lợi tức hàng năm ít nhất là 40 shillings. Chế độ ấy dần lan sang nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ.

Những người chủ trì « *tài chế tuyển cử* » ấy (suffrage censitaire) viện lẽ rằng: người có của mới có liên lạc mật thiết đến quyền chính, mới quan tâm đến chính trị. Hai nữa, người không có của như hạng tôi đòi hay lặn lội dân rất dễ bị người ta sai khiến lung lạc. Những lẽ ấy có giá trị gì không?

Nói rằng vì không có của mà không lưu tâm đến chính trị thì thật là hẹp kiến. hình như sự liên lạc giữa dân với chính phủ chỉ có việc đóng

thuế má thôi ! Sự thật trái hẳn dân không phải chỉ là con bò sữa, dân có quyền lợi mà chính phủ phải bảo vệ, mà trong quyền lợi quan trọng nhất của dân là quyền được sống một cách có đạo lý xứng đáng với công lao vất vả của mình. Vậy những hạng bần dân lao lực không có tư sản, không đủ sinh nhai, tức là một hạng cần đến Chính phủ bảo vệ hơn nhiều hạng khác có thể lực, có tiền tài. Vậy lẽ cố nhiên họ phải có quyền tham dự vào việc tuyển cử để bênh vực quyền lợi của họ.

Còn như sợ rằng vì họ không có của thì dễ bị mua chuộc, bị lung lạc trong lúc đầu phiếu, thì cũng là một sự lo sợ hơi chênh lệch. Ta có chắc rằng những giai tầng có tư sản không bị lung lạc không ? Có chắc rằng lúc đầu phiếu họ chỉ giở một niềm công tâm công ích không ?

Đặt câu hỏi, tức là đã giả lời rồi, cho nên ta có thể nói rằng những lẽ trên kia thật ra không có giá trị gì.

Thực ra chế độ “*tài hạn tuyển cử*” chỉ là một lợi khí *bảo thủ*, giữ gìn nền trật tự đương thời. Nghĩa là nó lợi cho những người hiện đã có lợi, mà bất lợi cho những người khác. Ông Barnave, trong một cuộc thảo luận ở viện Lập hiến 1791 có vạch rõ nguyên do ấy : « Les citoyens qui obligés immédiatement et sans cesse, par la nullité absolue de leur fortune, de travailler pour leurs besoins... n'ont pas un intérêt assez puissant à la conservation de l'ordre social existant » (những người vì không có một tí tài sản gì mà phải thúc bách luôn luôn làm việc để sinh nhai... thì không có lợi gì mà bảo tồn nền trật tự hiện tại). Cũng về thời đại ấy, ông Boissy Anglas viết rằng : « Si vous donnez à des hommes sans propriété les droits politiques sans réserves et s'ils se trouvent jamais sur les bancs des législateurs, ils exciteront ou laisseront exciter des agitations sans en craindre l'effet, ils établiront ou laisseront établir des taxes funestes au commerce et à l'agriculture... » (Nếu ta không hạn chế quyền chính trị của những người vô sản, và vậy nhất nếu họ được vào ghế nghị viên thì họ

sẽ xui dục hay dễ xui dục những cuộc phiến loạn, mà họ không lo ngại gì kết quả, họ sẽ thiết nghị hay đề cho người khác thiết nghị những thứ thuế nguy hiểm cho thương mại và canh nông...).

Cứ như ý kiến ấy thì ra chỉ thương mại, canh nông của phái hữu sản hiện tại mới đáng bênh vực, và chỉ có trật tự hiện tại mới là trật tự hay sao ?

Lẽ cố nhiên quan niệm ích kỷ vừa trái với lẽ công bằng vừa trái với luật tiến hóa. đã dần dần bị đào thải. Hiến pháp đa số các nước ngày nay không lấy tài sản mà hạn chế công quyền của nhân dân.

Đồng thời với « tài chế tuyển cử » người ta có thi hành một chế độ oán cứ vào học lực. Cử tri phải có một học lực tối thiểu, biết đọc biết viết, hoặc là có một bằng cấp chứng thực sức học của mình, hoặc là lúc đầu phiếu phải đọc thông hiểu pháp.

Chế độ này thi hành ở Anh, Mỹ, mục đích là giữ cho sự tuyển cử, được sáng suốt. Nhưng với chế độ cưỡng bách đi học, thì sự hạn chế này cũng không quan trọng, vì có thể nói rằng hầu hết toàn thể nhân dân đều đủ học lực để làm cử tri. Như hiến pháp của nước Pháp cũng không có sự hạn chế này : đầu không biết đọc biết viết cũng có thể đi bầu cử, nhưng thực ra số cử tri « lạc hậu » như thế hiện nay còn có mấy người.

Trái lại, ở những nước trình độ học còn kém, vấn đề này rất quan trọng. Hạn chế vào sức học, tức là một số rất đông nhân dân không được đầu phiếu. Thế mà số đông ấy phải chăng là hoàn toàn không đủ tư cách, không đủ sáng suốt đi tuyển cử người đại diện cho mình ?

Với một nước có văn hóa cũ như nước Tàu, một nơi mà đức tính của người ta đã được luyện theo tập quán, trí tuệ được rèn theo kinh nghiệm ; một nơi mà chữ nghĩa khó học, khó vì chữ đã đành mà khó cả vì tình cảm không dễ cho bọn bần dân có cơ hội mà học ; ở một nước như thế ta không thể nói được rằng : hễ người không được đi học tức là người đáng bỏ đi, không đủ tư cách cầm tờ phiếu bầu cử.

(Xem tiếp trang 23)

ĐÂN QUÊ BẮC KỲ

TAN PHONG

LỜI NÓI ĐẦU

Người ta đã viết nhiều về dân quê Việt-Nam và trong những sách xuất-bản rồi đã có những chuyên-lục có giá trị. Nhưng ngoài mấy bài khảo cứu đã cũ và lẽ tất nhiên là sơ sài của người ngoại-quốc, tôi nay vẫn còn thiếu một quyển sách có tính cách tổng-quát có thể cho người không sống luôn ở thôn-quê một ý - kiến rõ ràng và thiết thực về đời sống của dân-quê ở trong làng.

Để giúp vào công cuộc sáng-lạc-ấy, tôi định trình bày cùng độc-giả vài điều nhận xét đã thu nhặt được trong mấy năm trực tiếp với dân quê.

Lẽ tất nhiên một cá-nhân bao giờ cũng chỉ có thể xem xét trong một phạm-vi nhỏ hẹp. Vì vậy những điều tôi kể sau đây không phải là đúng cho tất cả mọi làng ở Bắc-kỳ; nhưng theo sự kinh-nghiệm của tôi thì đó là những tiêu mà ta có thể nhận thấy trong rất nhiều làng ở xứ này.

I

Xã, Thôn, Xóm, Giáp

So với nhân số toàn xứ, người Việt-Nam ở các thành phố to rất ít: Trong xứ Bắc-kỳ nhân số hơn 6 triệu dân mà chỉ có hai thành phố Hà-nội và Hải-phòng là có trên dưới 10 vạn người.

Trong số người ở thành-phố lại rất ít người mất hẳn liên lạc với thôn-quê; phần đông thì tuy làm ăn ở tỉnh nhưng vẫn có anh em họ hàng, ruộng đất ở làng là nơi họ đã sinh trưởng, hoặc là nơi trước kia cha mẹ hay ông bà họ đã sống. Hàng năm họ vẫn vài ba lần đi về thăm nom làng, nhất là về dịp tết Nguyên-đán; và đối với rất nhiều người, thành phố chỉ là chỗ để sinh-nhai tạm thời, còn làng mới là nơi họ « sống » một cách đầy đủ. Vì thế ta không lấy làm lạ mỗi khi thấy một người làm công lay lắt bán cổ đồ dành lấy một cái vốn nhỏ dôi về quê mua một

chân nhiều-xả hay lý-phó-trưởng rồi sống một cách eo hẹp với dăm ba sào ruộng.

Vậy làng đối với dân Việt-Nam là một đoàn-thể rất quan-trọng, không những vì phần đông dân-chúng sống luôn ở đó, mà còn vì, về phương diện tâm-lý, làng là nơi tập-trung những quyền-lợi thiêng liêng của rất nhiều người vẫn hằng sống ở tỉnh.

Nói đến làng, (cũng còn gọi là xã), ta không thể nhất định được rằng bao nhiêu gia-đình, bao nhiêu nóc nhà thì hợp thành một làng.

Có những làng rất to, và những làng rất nhỏ; sự to nhỏ ấy, do sự ngẫu nhiên trong lịch-sử (trung nơi mà sinh ra. Muốn chỉ rõ sự to nhỏ của một làng, người ta thường tính xem làng ấy có bao nhiêu « xuất định », tức là có bao nhiêu người biên tên trong sổ để hàng năm đóng thuế thân cho chính-phủ. Vì người Việt-Nam đợi con, nên cứ mỗi xuất định phải nhân với bốn hay năm (trung bình mỗi người có một vợ và ba con) thì mới có một ý kiến đại-cương về nhân số trong một làng — ấy là chưa kể rằng thường thường trong các làng có rất nhiều đàn bà góa ở vậy nuôi con nhỏ, là người không có tên trong sổ định.

Nếu kể cả thượng-du thì ở Bắc-kỳ có tới 10.687 làng (theo con số của Chính-phủ đã công bố năm 1940). Làng ở thượng-du nhẽ tất-nhiên là ít dân; nhưng cả đến những làng ở trung-châu cũng ít khi là những nơi tụ-hội to tát.

Tính số trung-bình thì ở Hưng-yên mỗi làng có 293 xuất định; ở Hà-dông, mỗi làng 285 xuất; ở Bắc-ninh mỗi làng 220 xuất; những tỉnh có tiếng là đông-dục nhất như Thái-lĩnh và Nam-định, trung-bình mỗi làng cũng chỉ có 313 xuất định (Thái-bình) hay 358 xuất (Nam-định).

Kem như thế thì ta thấy số người trung-bình tại mỗi làng Bắc-kỳ ít là chừng nào. Thỉnh thoảng cũng có những làng họp hơn một nghìn suất (có khi lại hơn thế nữa); nhưng đó là số hiếm. Trái lại có những làng không có tới 100 suất đình!

Trong những làng nhỏ như thế thật khó lòng làm được công việc gì có ích chung mà hơi to tát. Dân thường không có làng, mà bỏ thêm thuế thì vì ít người nên mỗi người phải chịu một số thuế nặng quá. Ở những nơi ấy xây một con đường, đào một cái giếng, mở một trường học... phải trông nom vào sự hảo tâm của của một vài người giàu. Mà giàu lại có hảo-tâm thì rất hiếm, nhất là ở thôn quê.

Một độ người ta đã có ý muốn họp nhiều làng nhỏ để lập thành những đoàn-thể to để tiện việc cai-trị mà cũng để cho dân quê đủ phương tiện mà làm những việc công-ích. Nhưng về sau không thay đổi hành cái ý-kiến hay đó. Phải chăng vì sự tập-chung các làng đã không được dân chúng tán-tuân, vì mỗi làng có những tục-lệ và thói quen riêng mà dân không muốn bỏ để theo những tục-lệ và thói quen khác? Có điều chắc là bỏ một làng tức là bỏ đi bao nhiêu châu-lý-dịch, và sáp-lập hai hay ba làng tức là sung-công tất cả công-diện công-thổ, ruộng thần, ruộng lậu của những làng sáp-nhập, như thế thì nào bọn lý-dịch chả phản-đối mà làm gì chả có dân một hay vài làng bị thiệt thòi và tỏ ý không tán-thành?

Người ta còn có thể vẫn đề nguyên những làng đã sẵn có, nhưng họp vài ba làng lân cận lại thành một « hội làng » (association de villages) để làm chung một công việc có ích cho tất cả.

Nhưng muốn có những công-cuộc từ-chức « liên-xã » như thế, nhà chức-trách thay mặt cho quyền hành công cần phải can thiệp mạnh mẽ để dân ra công việc sẽ làm, chỉ rõ phận-sự và trách-nhiệm từng làng và ủy người đứng chỉ huy công việc.

Ta không thể đợi các làng tự-ý họp lại được, dầu rằng họ thấy rõ công việc định làm là có lợi.

Những làng ở đây đã quen sống biệt-lập và cô-lập từ mấy thế-kỷ nay rồi. Những sự thỏa thuận ra ngoài phạm-vi nhỏ của một làng là một điều quá mới lạ đối với những người thay mặt dân quê.

Dân một làng thường có rất nhiều liên lạc về họ hàng với dân những làng lân cận (sự cưới gả từ làng này sang làng khác vẫn có luôn), nhưng ta chỉ gặp nhiều cuộc hai làng kéo dân đình ra đánh nhau chí mạng hay kiện nhau cho tới kỳ cùng vì những việc con con như tháo nước, đơm đố, chanh nhau một mô đất hay một miếng ao v.v. Còn rất ít khi ta thấy hương-lội hai làng thỏa thuận để xây chung một nhà hộ-sinh hay đắp chung một con đường.

Cách vài năm nay Hội chính-phủ bắt đầu khuyến khích lập trường hương-học ở thôn-quê, tôi đã có dịp thấy hai làng nhỏ ở sát cạnh nhau muốn mở chung một trường để cho đỡ phí tổn. Chức dịch hai làng đã nhiều lần bàn đến việc ấy trong những cuộc gặp gỡ tư, nhưng sau cùng không làng nào chịu nổi ý xin chung một cách công khai với làng kia — Bỉnh như cho là nói trước như thế tức là mất thể-diện. Rồi sau việc ấy bỏ, một ban hương-hội, họp riêng cùng cho rằng từ trước đến nay chưa làm một công cuộc chung như thế bao giờ, bây giờ khó lòng làm cho hai làng đồng lòng mãi để theo đuổi cho đến cùng công việc định làm.

Vì thói quen, vì hương-chức thiếu uy-quyền khiến cho tất cả dân làng tán-thành « chính sách ngoại-giao » của mình, vì không quen hy sinh những điều lợi nhỏ để theo đuổi một việc công-ích to, nên những công-cuộc chung cho nhiều xã rất hiếm.

Cái óc « thôn đảng », dân quê nào cũng sẵn. Nhưng ở đây cái óc ấy được biểu-lộ một cách đầy đủ vì theo chính-sách tôn-trọng quyền tự-trị của

(Xem tiếp trang 26)

TIỂU THUYẾT TÀU

LÊ ĐÌNH CHẤN dịch

Năm 1933, ngày mười một tháng chạp, Viện Hàn Lâm Thụy Điển đã trao phần thưởng văn chương Nobel cho nữ sĩ Pearl Buck. Trong văn bằng có nói : « nhà văn hào này sẽ được Viện Hàn Lâm tặng phần thưởng là vì đã mở ra 1 cách rõ rệt, đơn giản, hay ho và sinh động đời sống của người nhà quê Trung Hoa và đã viết những tác phẩm còn động và loại truyện ký ». (Mirraukie).

Trong tờ trình đọc trước Viện Hàn Lâm Thụy Điển bác sĩ Per Halls'trom phê bình của tác phẩm của Pearl Buck, trong đó có kể cả những khuyết tật lại đời của cho mẹ như văn hào, đã kết luận : « Khi Viện Hàn Lâm Thụy Điển tặng phần thưởng văn chương năm nay cho nữ sĩ Pearl Buck vì những tác phẩm đầy một vẻ bình thản sâu xa đã dẫn ta một cách rõ rệt, đời lý tưởng của người ta và đã mở rộng con đường cho nhân loại hiểu nhau qua sự chia sẻ nỗi giống, thì Viện Hàn Lâm thực đã làm theo ý muốn của Alfred Nobel chỉ chủ sự hòa bình cho nhân loại sau này ».

Sau đây là bài diễn thuyết của Pearl Buck đọc trước Viện Hàn Lâm Thụy Điển hôm nhận phần thưởng. Chính tôi dịch thẳng ở anh văn (1) ra (vì chưa có bản dịch pháp văn) chắc có phần chệch lồi, xin các vị coi mình cải ghe cho, thực lấy làm thêm tạ.

LÊ ĐÌNH CHẤN còn chỉ

Khi tôi nghĩ đến câu chuyện mới hôm nay, tôi nhận thấy là học hỏi nếu không nói với các ngài về nước Tàu. — Các ngài không nên lấy làm lạ thấy một người Mỹ, cha mẹ cũng người Mỹ, và hiện nay đang sống ở đất Mỹ, và sẽ sống ở đất Mỹ cho đến khi nào chết, nói về chuyện Tàu. Vì chính Tiểu-thuyết Tàu — chứ không phải là Tiểu-thuyết Mỹ — đã là khuôn khổ, kiểu-mẫu cho những tác-phẩm của tôi. Những chuyện mà tôi nghe khi mới nhón lên là một vũ em người Tàu đã kể cho tôi nghe, cách kể chuyện cũng là cách viết chuyện, tôi đều chịu ảnh-hưởng rất sâu-xa của người Tàu. — Nếu tôi không công nhận như thế, thì tôi là người hội học. Nhưng tôi nói đến nước Tàu như vậy, thực không phải là vì một lẽ riêng, như thế thực là bẻm-hình quá. Có một lẽ nữa đủ cho phép tôi nói về tiểu-thuyết Trung-hoa, 1 cách hợp thời ; lẽ đó là lẽ sau này : theo thiên-kiến của tôi, tiểu thuyết Trung-hoa, là một nguồn gốc vô tận có thể làm kiểu mẫu về đủ phương diện cho nền tiểu-thuyết Âu-Mỹ và các nhà viết văn Âu-Mỹ.

« Tiểu-thuyết Tàu mà tôi muốn trình bày cùng các ngài là những chuyện cổ của nước Tàu ngày xưa chứ không phải là những tác-phẩm không dấu không dấu của những nhà văn Tàu hiện-dại, đã không biết đến những kho tàng của nước mình và đã chịu ảnh hưởng rất sâu của Tây-phương.

Tiểu-thuyết Tàu xưa nay không phải là một nghệ-thuật, và chưa có 1 nhà viết tiểu-thuyết Tàu nào đã tự coi mình là 1 nghệ-sĩ. — Bao giờ ta cũng phải nhớ đến sự

(1) Pearl Buck : The Chinese novel (Tiểu thuyết Tàu).

nhận xét đó khi ta muốn hiểu rõ hơn về cùng là địa vị rất quan trọng của tiểu-thuyết trong đời sống của dân chúng Tàu. Đối với các ngài là những nhà bác-học thông thái ở Âu-châu, đã rộng lượng coi tiểu-thuyết như 1 nghệ-thuật, thì quan-niệm của người Tàu thực là lạ. Nhưng ở Tàu, nghệ-thuật là nghệ-thuật, mà tiểu-thuyết là tiểu-thuyết — ở Tàu chỉ có văn-lý mới là nghệ-thuật, là văn-chương (wen-li), mà văn chương đây là riêng của bọn nho học, 1 nghệ thuật mà riêng họ đã tạo ra mà tạo riêng cho họ, có luật là riêng, và trong nghệ thuật đó, không có chỗ nào dành cho tiểu-thuyết — và ai là người không biết thế lực phá găm của bọn nhà nho ấy ? Triết-học, Tôn-giáo văn-chương cũng là những luật vô căn cứ, là của riêng bọn nhà nho vì chỉ có họ, họ biết đọc và biết viết. Những nhà nho này đã làm cho đến vua cũng phải sợ thế lực của họ, thành ra chính các nhà vua đã phải tìm cách để kiềm chế bọn họ bằng sự thi cử : khoa bảng là con đường độc nhất đưa đến công danh, mà thi thi thật là khó, thật học hiêm, lắm khi họ, cả đời cũng không chắc đã đỗ, thành ra các nhà nho chỉ cặm cụi với kinh sử để quên hẳn việc đời — mặc cho nhà vua muốn làm gì thì làm, vì trong kinh sử sử như thế thì họ còn thì giờ đâu mà chỉ trách hành vi của nhà cầm quyền ? Các nhà nho tìm những kiểu mẫu nghệ thuật ở kinh sử nhà xưa. Nhưng trong kinh sử thì đâu có nói đến tiểu thuyết ? và các nhà nho cũng không biết đến tiểu-thuyết vì họ chỉ quay mắt nhìn về đời cổ, mà tiểu thuyết trái lại chính là dân chúng hàng ngày tạo ra. — Nhà nho không để ý đến tiểu thuyết vì họ chỉ biết đến Văn-lý, mà chỉ có văn lý là nghệ thuật, là văn chương. —

Nhưng nếu nhà nho không đếm xỉa đến đâu chúng thì trái lại dân chúng cũng chẳng ưa gì nhà nho. Họ vui vẻ chê riêu bọn nho, và đây là 1 tí dụ của bộ óc khôi hài châm biếm của họ : 1 hôm các ác thú họp nhau ở 1 quả núi để đi săn, bọn nào cũng đi săn và hẹn nhau đến tối được gì thì đem về chia nhau. Tối đến, minh cộp tay không trở về. Hỏi tại sao cộp buổi rầu nói : sáng nay tôi gặp một thằng học trò, nhưng nó còn bé quá, chắc các anh không thích. Đến chưa thì gặp một lão sư. Nhưng tôi mặc nó đi vì sư thì còn béo tốt gì ! Gần tối thì chán quá, gặp một ông đồ nho. Nhưng bắt nó làm gì, người nó gầy thịt nó dai, có nhai nó chỉ thổ hại răng mình.—

Bọn nhà Nho xưa nay vẫn làm trò cười cho dân chúng. — Trong cái tiểu thuyết có tiếng nhất, bao giờ cũng có mặt nhà nho đao mao — Mà ai cũng như ai vì học tử văn đã làm cho họ giống nhau như đúc. Ở bên Tây-phương không có 1 hạng người nào như bọn nhà nho này. — Nhưng ở đây, thực là bọn nhà nho đã thành ra một biệt hạng trong xã hội Dân chúng tả họ như sau : 1 bộ mặt dẹt với một cái trán gồ, mỗi bao giờ cũng mỉm cười một cách khinh đời, sống mũi thì tẹt, nhưng đầu mũi rất nhọn, hai mắt như chết sau bộ mực kính. 1 dòng nói dõng dạc lúc nào cũng là nhè nhẹ những lẽ luật chẳng ai hiểu, chữ hán ra; không còn ai đạo đức giả hơn, khinh miệt bọn nhà quê 1 cách quá đáng, và khinh cả đến cả các bạn học — đi đứng thì khễ khễ lưng chừng, nếu khi nào hần chĩa nhấc chân đi. Chỉ gặp hần ở nơi hội họp văn chương — lúc nào cũng ngiên cổ văn và cổ viết như ngày xưa. Hần ghét sự gì mới lạ, vì hần không biết sắp sự mới lạ ấy vào đâu, không biết cho sự mới lạ thuộc về loại văn nào. — Nếu không xếp nổi sự mới lạ thì họ thẳng tay gạt phắt, cho là không đáng đề ý đến. — Vì hần không biết đặt tiểu thuyết vào loại văn chương nào thì vì lẽ giản dị đó, hần nhắm mắt không biết đến tiểu thuyết. Tiểu thuyết đối với hần là 1 sự không có.

Năm 1776, Yao Hai một nhà phê bình văn học danh tiếng, trong khi xếp đặt lại tư vị Khang-Hi đã kê rõ những loại văn nào chính thức thuộc về văn chương. Đó là : biên khảo, truyện ký, thơ, văn tế, sử ký. — Tình không dă động đến tiểu thuyết, dù là thời bấy giờ tiểu thuyết Tàu đã tới một trình độ rất cao sau mấy thế kỷ này nó ở giữa đám thường dân. Ku Chuen-Shu trong bộ sách biên khảo làm năm 1772 cho vào Kiến Long văn, không công nhận Tiểu Thuyết là 1 loại văn chương.

... là một sự may mắn tiểu thuyết Tàu được ở ngoài tay của nhà nho công nhận là văn chương. Nó cũng may cho các nhà nho viết tiểu thuyết. Cách này thực là thoát, không bị những lẽ luật của các nhà nho giằng buộc. Tiểu thuyết Tàu

thực là được tự do nảy nở trong khu vực riêng của nó, được dân gian hoan nghênh và thoát được hơi thở lạnh lẽo của nghệ thuật các nhà nho cũ.

Nhưng cũng không may cho các nhà nho vì lắm khi có các nhà vua trẻ tuổi rất thích đọc tiểu thuyết. Như vậy họ phải công nhận là tiểu thuyết có. Nhưng họ cũng ghê ám, họ lại sợ, họ vận óc tìm được thuyết : ý nghĩa về phương diện xã hội và họ viết rất nhiều bài luận thuyết xấu xa học hiêm để bày tỏ ra là tiểu thuyết không phải là văn chương vì tiểu thuyết không có ý nghĩa gì về phương diện xã hội. Họ luận như sau này :

Văn chương là một nghệ thuật.

Nghệ thuật nào cũng phải có ý nghĩa về phương diện xã hội.

Quyền tiểu thuyết này không có ý nghĩa gì về phương diện xã hội. Vậy quyền tiểu thuyết này không thuộc về loại văn chương.

Luận xong — họ thẳng tay không cho tiểu thuyết dự phần vào bản thờ văn chương... Ấy thuở nhỏ, tôi được người ta dạy cho như thế và tôi cũng sâu lòng tin là Tiểu thuyết thực không có liên lạc gì với « văn chương » đáng quý, đáng thờ.

Các nhà nho dạy tôi như thế. Nghệ thuật văn chương là của riêng của các nhà nho học thâm thúy, óc các nhà nho nghĩ ra những luật lệ để kiềm chế sự phát biểu mạnh mẽ của « Thiên tài ». Thiên tài dù to hay nhỏ là xấu, mà nghệ thuật tức là khuôn khổ mà nước sôi phải theo mà chảy. Ấy họ hiểu bốn phần nhà nho và bình phẩm văn chương như vậy. Nhưng dân tộc Trung-hoa thực không cần đến các nhà bình phẩm. Thiên tài tự do muốn phát triển ở đâu cũng được, và, thường đáp đến đây mà uống nước cho thỏa thích.

Vì tiểu thuyết ở bên Tàu là thường dân nghĩ ra, viết ra — Văn tiểu thuyết Tàu là văn thường, văn nơi văn bạch thoại chứ không phải là văn lý. Là văn ngôn Văn lý chẳng qua cũng là lối văn ngày xưa, nhưng bọn nho học đã không để ý đến sự thay đổi của văn nói : Họ chỉ biết lối văn nói của thời cổ cho đến khi văn nói đó khác hẳn với văn nói thông thường, thành ra một lối văn chết, chỉ có các nhà nho mới hiểu, trong khi văn nói của dân theo thời gian mà thay đổi — Văn tiểu thuyết Tàu là văn Bạch thoại, tức là văn nói của thường dân — vì thế cho nên văn rất mềm mại, uyển chuyển, dễ hiểu, như người nói, làm cho các nhà nho tức giận, và khinh miệt cho là một lối văn không có định lệ, không có « chương cú ».

Đến đây tôi phải ngừng đề từ ra 4 bọn nhà nho Trung-hoa đã du lịch ở Ấn độ về và đã đem về nước 1 tôn giáo mới : Đạo Phật. Ở bên Tây Phương, tôn giáo xưa nay bao giờ cũng cấm ngặt tiểu thuyết

Nhưng các nhà Phật học ở Đông phương trái lại khôn ngoan hơn. Khi đến nước Tàu họ thấy văn chương đã không còn liên lạc gì với thường dân — mà thành ra 1 một sự xa xôi khó hiểu. Bấy giờ là về thời đại trong lịch-sử gọi là Lục-Triều. Các nhà văn chỉ biết ngồi gọt thơ cho kêu và cho giống ngày xưa và nhắm mắt không hề chú ý đến 1 lối văn nào khác. Trong khi văn-chương như bị chết ngạt với sự bất chước đó thì các nhà Phật học đến. Có vài người Ấn, nhưng phần nhiều là người Tàu. Họ nói rằng tuốt là họ không bắt chước bọn nhà nho chỉ biết làm theo như cũ, họ chỉ cốt nói rõ ràng, minh bạch, giản dị để cho thường dân hiểu được. Họ truyền đạo bằng văn nói của thường dân, bằng lối văn của tiểu-thuyết; thấy dân chỉ thích nghe truyện, họ dùng chuyện để giảng đạo cho dân dễ hiểu. Trong bài tựa của kinh Kim-cương, 1 bộ kinh rất có tiếng của đạo Phật, ta thấy nói: Khi muốn nói ý của đấng chí tôn, thì ta phải nói giản dị cho chúng sinh hiểu. Câu nói đó có thể là châm-ngôn của các nhà tiểu-thuyết gia trung hoa thời bấy giờ.

Vì từ đầu Tiểu Thuyết vốn là viết cho dân xem, để giải trí. Giải trí đây không phải là làm trò cười, tuy các nhà tiểu thuyết gia Trung hoa cũng thích khôi hài lắm. Giải trí đây tức là làm cho tâm hồn người dân phải dễ ý mà nghĩ ngợi — Giải trí nghĩa là đây đó họ bằng cách phổ biến cuộc đời cho họ hiểu được ý nghĩa của cuộc đời giải trí sâu hết, nghĩa là mô tả cho bọn thường dân cuộc đời hàng ngày của họ, từ đời thượng cổ đến ngày nay; Các nhà giảng đạo Phật cũng công nhận rằng muốn cho dân hiểu đến thần thánh thì không gì bằng tả cho họ là thần thánh cũng khó liếc ngắm cúi chân lấm tay bùn như họ.

Nhưng có một lẽ rất giản dị giảng cho ta hiểu tại sao tiểu thuyết Tàu lại dùng văn nói của thường dân: vì chính bọn thường dân không biết đọc, không biết viết và tiểu thuyết thì phải viết, nhưng viết làm sao cho khi đọc lên, bọn ngu dân hiểu nổi, nghĩa là phải viết bằng lối văn nói hàng ngày của họ. Trong một số 100 người khó lòng tìm được đến quá 1 người biết đọc. Những ngày nghỉ hay là những buổi chiều khi công việc đồng áng đã xong, anh nào biết, dở 1 quyển chuyện ra đọc to cho mọi người nghe thấy. Đây tiểu thuyết phát nguyên ở lúc đó. 1 lát sau, các thỉnh giả gom góp vài xu vào 1 bát chôn chậu vì người đọc phải có 1 bát nước chè để nhấp giọng hay tả đọc như thế, mất thì giờ làm việc khác thì phải đền bù cho người ta tí chút cho khỏi thiệt thòi. Nếu miễn tiền góp cho được khá, khá thì người đọc chuyện thôi không đi làm việc đồng áng nữa, mà soạn nghề làm anh kể chuyện. Những chuyện nhỏ mà anh ta kể to cho người nghe chính là gốc những tiểu thuyết sau này đó, vì lúc đầu cũng ít chuyện viết rồi lắm, mà ít thế thì đủ sao cùng ông người nhà quê Trung-Hoa vốn dĩ vẫn rất thích nghe chuyện. Thế thì anh 1 chuyện phải « tìm thêm chuyện ». Anh ta bèn lợi những sử ký khó khan ngày xưa

(như kinh xuân thu chẳng hạn) để lại, và với bộ óc giàu tưởng tượng của anh ta, thêm vào, bớt ra, 1 chút ít, với sự kinh nghiệm hàng ngày, chẳng hạn gặp những vị anh hùng trọng lịch sử khó khan chết rồi ở đây lại... và đã thành ra vai linh động của 1 truyện hay, rất thị vị có đầu có đuôi... Anh ta aim nhưg câu chuyện làm ly của những bá hoàng-phụ ngày xưa, tình đẹp đến nỗi làm nghiêng cả 1 thành, lật cả 1 nước, và đã nằm vào trong bàn tay nhỏ để thòm dĩa hết cả số phận 1 họ vua... anh ta, là đi lạng này sang lạng khác biết hết chuyện xa chuyện gần, và muốn cho dễ nhớ, anh liền viết vào giấy — Người ta kể chuyện tâm sự cho anh ta nghe, anh cũng biên cho nhớ. Anh vẫn không quên thêm bớt, nhưng không có giọng khúc triết cao kỳ của các nhà văn dạo gót, vì người dân không dễ ý đến và cũng không hiểu. Bấy giờ anh cũng nhớ đến bọn thỉnh giả của anh, anh biết rằng: giọng văn mà họ thường thực hơn cả là một giọng văn dễ dãi, rõ ràng và giản dị với những chữ thông thường hàng ngày, ngoài vài đoạn tả cảnh hoặc tả người cho câu chuyện thêm đậm đà, không được dằng dai vô ích. — Vì chuyện không thể kéo dài ra được. Thì giờ nghe ít. Phải hợp với tình cảnh người nghe. —

Mà chuyện tôi nói đây không phải là một chuyện tầm thường nhạt nhẽo hoặc là 1 chuyện đánh nhau cộc lều. Người Trung Hoa có phải là trẻ con đâu? chuyện cho họ nghe phải có những vai trò hoạt động, có tình tiết phân biệt khác nhau. Họ cho bộ Thủy-hử là 1 bộ truyện hay nhất không phải là vì trong truyện có nhiều đoạn đánh nhau rất háng, nhưng vì 108 vai hảo hán trong truyện đã được tả một cách khéo đến nỗi không sao nhớ người nọ với người kia được. Tôi vẫn thường nghe người ta khen « Thủy-hử » như vậy này: Khi nghe thấy 1 vai trong truyện nói chỉ cần nghe câu nói cũng đoán ngay được người ấy không cần phải nói đến tên. — Thật, diễn tả tâm tình, cách sinh hoạt đó là điều cần nhất trong chuyện tản, mà diễn tả bằng tâm tình bằng cách tả hành vi vai trò — chứ không phải bằng những lời nói thêm và giảng giải dài dòng vô ích. Một sự đáng làm cho ta chú ý là trong khi tiểu thuyết này nở rộ trong nơi thôn dã xa xôi hoặc ở trong 1 hàng nước mà người kể cùng là người nghe toàn là người dân quê thô lậu, thì một truyện giống ư như thế cũng bắt đầu ra đời trong cung điện nhà vua, và cũng diễn bằng lối văn nôm na của thường dân. Các vua Tàu, nhất là các ông vua của 1 họ ngoại quốc như vua nhà « Nguyên » chẳng hạn, hay sai những người gọi là « tài nhân nhà vua » cải trang lẫn lộn vào đám đông người ở kẻ chợ nhà quê để nghe « chuyện ngoài đường » — Mục đích của những kẻ đó là dò xét tình thế dân gian xem có ai có ý khởi loạn ngầm ngấm... và xem những cuộc âm mưu như thế có thể thành một mối nguy hiểm cho đường triều, —

Các ông tai mắt vua thường được nghe những chuyện rất lạ và rất hay, và thường nhận thấy các vị vua chúa thích nghe những chuyện đó hơn là chuyện chính-tự. Thanh ra mỗi khi về cung đã đem tin cho chủ, họ cô lay lắt vua ra hỏi cho vua nghe những chuyện rất hay và nghe được ở ngoài. Họ kể cho vua nghe nhưng bành vì sự ý nghĩa của bọn dân chúng tự do và muốn cho dễ nhớ, họ cũng không quên biên chép vào giấy, và tại quỳ gối chiếu rọi những vị tai mắt của vua cũng không quên đem chuyện trong cung cảm nơi cho dân lại biết, coi coi lại nói với nhau: họ nói lại cho bọn thương dân biết chuyện trong cung về lòng người, cử chỉ của vua, cũng là làm sao nhà vua đã đương bị 1 ba hoàng phi không thái ghen, và sao bà này đã cho tiền viên thái giám tam phúc để dân đọc người cũng tìm được vua đang yên dân... những câu chuyện đó rất được bọn thực dân Trung-hoa hoan nghênh, vì như thế họ hiểu rõ là vua, cũng là người thương dân như họ, và cũng không thoát khỏi những sự rắc rối về chuyện vợ họ, con họ... đó là nguyên gốc thứ hai của tiền thuyết, 1 người gốc làm cho tiền thuyết kể, kể rất nhanh chóng — nhưng từ sau, các nhà này vẫn nhất định không ham biết đến nó.

(Còn nữa)
LÊ ĐÌNH CHÂN

NHÀ SÁCH LUÀ HỒN — NHÀ SÁCH LUÀ BỜ

ĐÃ PHÁT HÀNH

DÒNG VỌNG

IV

— Tập bài hát lịch sử và thanh niên của Hoàng Quý, Lưu hữu Phước, Nguyễn Thanh Nguyên, Mai Văn Lộ, Văn Cao...
Giá thượng hạng 1\$00

SỨC SONG DÂN VIỆT NAM

— Ba cuộc nói chuyện của Đặng Ngọc Tôt, Trương Văn Liên, Nguyễn Đình Thi trong Tổng Lợi Dân Việt. Giá 1\$50

Còn mua

Còn mua

DÒNG VỌNG I, II, III

(in lần thứ hai)

NGUYỄN HỮU BÌNH — 92, Sinh-tử, — Hanoi

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

— 214, Hàng Lông, Hanoi —

SÁCH MỚI

HOANG DAO THUY

NGHE THAY

Nghe thuật làm thay, làm chữa bệnh, làm huyền ảo... làm chủ Nam của tất cả những học phụ huyền ảo này vì việc giáo dục thiếu niên.

Còn rất ít

180 trang — Giá 2\$00

VANG BÓNG MỘT THỜI

(NGUYỄN TUÂN) 1\$00

NGẠI CÁI TÌM TRẦM

(THANH TỊNH) 2\$00

ĐANG IN

HƠI THƠ TÀN (NGUYỄN LỒNG)

TRƯỜNG CA (XUÂN DIỆU)

LỬ TẤN (ĐẶNG THÁI KIỆT)

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Văn chương — và xã-hội —

của LUONG BUC THIET GIÁ 2\$50

nguyên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ thuật, tính cách đang cấp trong văn học Việt Nam. Xã hội và xã-hội trong văn học Việt-Nam hiện đại

ĐANG IN: KHỔNG GIÁC VỚI ÔNG ĐÀO ĐUY ANH nghiên cứu của NGUYỄN DIỄN DIEM

VIỆT VÀ SỐNG bình luận về văn học Việt-nam của NGUYỄN XUÂN MUY

Còn một ít: NHỮNG TỪ THUYẾT gia đình của NGUYỄN HỮU MỸ GIÁ 2\$50 — VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN của bà MỘNG SƠN GIÁ 2\$50

ĐẠI HỌC THU' XA

181, Bd Henri d'Orléans, Hanoi

— Giám đốc: LÊ MỘNG CẦU —

Chien
nay nhân
rối, tôi
mang rõ
mang ra
ngồi khâu
bên cửa sổ.

Mùa
màng đã
vãn; công
việc trong

BẠN GÁI VIẾT

Vài Cầm Tượng về Hoa và Bé

NGUYỄN THỊ THUẦN

đến một
khôn mặt
nhỏ bé có
đôi mắt
sáng ngời
nào đó; và
ngắm mỗi
em nhỏ tôi
lại có cảm

một gia đình thôn dã của tôi trong khoảng thì giờ
từ sau bữa cơm chiều ăn rất sớm, thường chỉ là cất
dọn lật vật hoặc nghỉ ngơi, đợi hoàng hôn xuống.
Tất cả dự định, lo tính về ngày mai là đây được sớm
sủa kịp pha một ấm chè mạn trước khi chờ già dậy.

Trí óc thanh thoi quá. Tôi vừa khâu vừa nghĩ sẵn
một truyện cổ tích để tôi kể cho mấy em nhỏ nghe.

Các em bé của tôi thích nghe truyện trước khi
ngủ lắm. Nhưng thích như mọi trẻ khác thích hát
đưa mà thôi, không chú ý nghe trọn truyện. Thường
thì mới đến đoạn con Tán ở trong quả thị hiện ra
hình người, hoặc đoạn nàng công chúa trong truyện
« Hạng Nga ngủ ở trong rừng » bắt đầu ngủ giấc
trăm năm, là chúng cũng ngủ khò rồi. Thế mà hôm
nào cũng bắt kể kỹ được, đề lắm bận, được nửa
chừng, vừa nghe vừa đùa rúc rích, thật ngăm
nhau, hoặc lơ đãng nghĩ đầu đầu, thỉnh thoảng
ngắt lời, kể dở nửa một câu: « Chị này, không
biết tôi đến lần này nó ngủ ở đâu nhỉ? »

Không khí bóng hình như nhẹ hẳn đi, vì từ vườn
thoảng đưa vào mùi hương huệ thơm man mát. Tôi
ngừng kim, ngồi thẳng người, thở hít vào thật
mạnh để khỏi vương phí mùi thơm nhẹ nhàng hoa
vừa có nhả ý gửi vào cho tôi. Tiếp đến một luồng
gió lùa khắp các cửa, hương thơm cũng ùa theo
vào, thơm trội lên. Tôi tưởng tượng như đó là tiếng
hoa rụng đã: « Ra mau đi, có! Ra mà xem chúng
tôi nở đây này. » Vội quá hóa luống cuống, tôi xếp
đi xếp lại mãi mới xong đồ khâu. Tôi có cảm
tưởng nếu không ra ngay thì hoa sẽ cười tôi không
lịch sự, hoặc, không biết chừng, sẽ đổi, cụp lại
không nở nữa. Tôi tưởng như hoa là một đứa em
bé, không chiều, hẳn sẽ tủi thân, hờn giận. Không
biết tại sao, tôi cứ coi hoa như em nhỏ của tôi vậy.

Hai hình ảnh bóng hoa và em bé thường đi đôi
trong trí tôi. Thấy hình ảnh nó, tôi nghĩ luôn đến
hình ảnh kia. Mỗi khi nhìn một bông hoa, tôi

tưởng chiêm ngưỡng một bông hoa.

Một ngày đi g trước vườn, nhìn những bông
hồng tươi thắm, những khóm huệ trắng tinh, bụi
nhài chỉ chít những nụ nhỏ xinh như đàn bướm
trắng đậu, tôi tưởng tượng ra bao nhiêu hình ảnh
trí nghĩ lan man bao nhiêu điều tưởng, như

Tôi nghĩ đến cháu Lan-Hương, Liên-Hương của
tôi ở tận tỉnh xa xôi kia, không biết lúc này đang
bi-bô tập đọc ở tờ giấy trắng, hay đang hí-hát trở
tài nữ công. Lũy kéo cắt thừng vật áo mới nguyên
của mẹ. Tôi nhớ đến đòng điệu lững lờ của mấy
cháu nhỏ đêm đang buồn rờ ràn lên bàn trên phòng
khách hoặc đem chiếc giầy, chiếc giầy ra phơi giữa
mâm bột.

Tôi nghĩ đến em gái nhỏ tôi sáng nay đầu thật
sớm, lò dò vào tận buồng tôi, đánh thức tôi dậy
để đỡ rằng: « Chị có biết tại sao hôm nọ thợ gặt
người ta dậy sớm thế không? » để khi tôi xin chợp
thì trình trọng cất nghĩa: « Tại con chim chích-
chòe đậu ở cây cam nó hót to quá, nên người ta
không ngủ được ». Nhớ ở trí suy xét của tuổi lên
năm, tôi được biết nguyên nhân sự cần-lao dẫn đi
và nên thơ biết mấy.

Tôi tưởng nhớ đến cả những hình ảnh nhỏ bé
thân yêu của tôi hiện nay đã ngủ một giấc dài vô
tận dưới năm cỏ xanh.

Tôi nhớ đến cả những em nhỏ gầy guộc ngủ chiếc
đầu bôi phôi xanh lè trong lòng người mẹ quê
mùa ngồi khép nép trên toa xe lửa hạng tư, cả
những em hồng hào mũm mĩm trong cánh tay bà
mẹ sang trọng khinh người trên chuyến xe điện;
óc thơ ngây chưa biết tự kiêu, đang xa theo
người nhà quê rách rưới với một dáng điệu dễ yêu.

Vội cảm tình thân mến, lúc này tôi nhớ đến tất
cả những khuôn mặt nhỏ bé mà tôi đã gặp trên tàu,
trên xe, ở chỗ công viên, tất cả những em nhỏ trong
mọi gia đình, những em người đời vẫn thường gọi
bằng một tên chung là em bé. Mà không sợ lẫn, vì
trong nhà không còn ai bé hơn.

Vườn có bao nhiêu hoa, tôi tưởng nhớ đến bấy nhiêu khuôn mặt nhỏ xíu.

Tôi mơ hồ tưởng như Hoa và Bé là anh em chị em vậy. Bởi thế, mỗi khi một em nhỏ bắt hoa, tôi chỉ muốn bảo rằng : « Bé ơi, Bé đừng làm tội một em nhỏ, một bạn đồng cảnh của Bà thế ! »

Vì Hoa chẳng yếu ớt, đáng nương nhẹ như Bé và chẳng có bao nhiêu điều giống Bé ư ?

Người ta thường ví thiếu nữ với bông hoa. Riêng tôi, tôi thấy sự nhận xét đó nóng nổi hơi hợt quá, chỉ đúng về bề ngoài.

Trên đời có nhiều thiếu nữ tươi đẹp như bông hoa thật, nhưng chưa có bông hoa nào có được một chút — chỉ một chút thôi — khôn ngoan, suy tính của người thiếu nữ. Dù ngây thơ đến đâu, một thiếu nữ cũng biết tự bảo vệ trước những tai nạn tiềm tàng. Còn Hoa, Hoa khờ khạo vô cùng, Hoa hòa nhiên rung rinh đùa rờn cả những khi gió mưa ào ạt đang rình rập chực vùi hoa xuống đất. Hoa tươi, Hoa đẹp, nhưng tư cô chi kim, trong muôn loài hoa, chưa có một bông hoa nào biết làm cho ai khổ. Tuy Hoa vô tội, hiền lành, nhưng Hoa lại có những phép nhiệm-mầu giúp được cho đời thêm đẹp.

Đem ví với Hoa, tôi tưởng chỉ có thể kể đến một vị tiên tiên (một vị thần cổ nhiên cũng có phép lạ) tiêu biểu cho hết thảy mọi vẻ thơ ngây, mọi cử chỉ vô tội trên đời này là một Em Bé.

Hoa và Bé là đôi bạn giống nhau cả tài năng lẫn đức tính.

Màu tươi đẹp của Hoa cho khu vườn vẻ huy hoàng ; tiếng liu lo, bập bẹ của Bé đem lại cho gia đình một nguồn vui, một lẽ để yêu đời.

Hoa làm sáng sủa được gian phòng ảm đạm, làm ấm cúng được bầu không khí đương lạnh lẽo khó khăn ; bóng dáng chập chững của Bé bước vào trong ngưỡng cửa tạo cho người đời những tiếng cười rộn rã, làm cho trái tim từ mẫu rộn yêu thương ; ánh trong trẻo trong đôi con mắt ngơ ngác thơ dại có phép lạ làm mất những nét mặt nhọc mệt, lo âu, biến những vết răn trên trán một người cha.

Nếu một gia đình cần phải có một cái « nội », hay đôi khi cần có cả vẻ bừa bãi vì búp bê, ngựa gỗ, mới đỡ trống trải, thì một gian phòng ảm đạm cũng cần một không thể thiếu một bình hoa.

Nhờ Bé, tình cảm của người thêm sâu rộng, cao

quý, vì Hoa, người đời thêm được bao nhiêu lời hay đẹp, và những vần thơ tao nhã.

Bé có công làm giàu cho văn chương cho kho tình cảm ; Hoa có tài tô điểm cho đời đẹp, cho những gian phòng lạnh bớt vẻ tẻ nhạt, hiu quạnh.

Đề tạ ơn, nhân loại đã dành cho Hoa và Bé những tình cảm thiêng liêng quý báu nhất của lòng người.

Vì Hoa, người ta đã làm chảy bao nhiêu mực, tốn bao nhiêu giấy để ca tụng màu trắng của một đoá hoa mai, hay vẽ đẹp một khóm hải đường. Vì Bé, nhiều chiếc đầu bác học đã để cả một đời vào việc suy nghĩ xem nên uốn nắn sửa sang Bé như cây hoa nồn hình rồng, hình phượng trong chậu, hay nên để mặc Bé tự do nảy nở như một cây hoang dã. Một đoá hoa lễ thanh khiết từng làm cho thi sĩ đóng phượng nâng những lời văn châu ngọc, hay như tiếng đàn. Chiếc giày nhỏ nhắn của em Bé yêu vọng lưu lại thế gian cũng đã làm cho một văn hào rộn bầu tình cảm xót thương mà viết ra những dòng tuyệt tác.

Người thương hoa hẳn khó khăn khi nhận thấy trên thân cây một dấu vết sâu tàn phá ; tỷ mỹ tính ngày càng trở nực, nở hoa. Người mẹ hiền cũng bồn chồn, lo lắng một khi trên môi con nhỏ vắng nụ cười, cũng hằng chăm chú nhận xét từng biến đổi nhỏ nhất của Bé cả về thể chất lẫn tinh thần.

Có những bàn tay hiền từ của người đàn bà phượng Hoàng giàu tình cảm, khâu vá bảo vệ cho Hoa khỏi bị gió mưa dầm dẫm, đặt tiệc mừng Hoa nở, đào hố chôn Hoa rụng, làm thơ khóc Hoa đoản mệnh. Có những bậc từ mẫu để hết nguồn sinh lực vào việc nâng niu hầu hạ một con nhỏ ốm, khi con chết, gục đầu vào linh sàng mà kêu gào thảm thiết hỏi linh hồn con rằng ở bên kia thế giới thì chốn nào là quê hương con.

Người đời đã hoang rộng tình cảm với Hoa và Bé là dường nào.

Trong lọ sành của người thường dân hay trên bình ngọc của vị đế vương, nếu hoa chủ đã biết thưởng thức, bao giờ Hoa cũng được nâng niu với tấm lòng tôn trọng. Và dù trong lòng bà Hoàng Hậu hay một người nông phu. Bé bao giờ chẳng ngự ở một nơi cao quý nhất.

Cảnh tình, địa vị Hoa và Bé đã giống nhau, đến tai nạn đau thương cũng lại giống nhau. Có những cơn gió chỉ rình một trận mưa đêm để lên đến
(Xem tiếp trang 17)

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

(Tiếp theo)

II. — Tượng-quận có phải là đất nước Ta không ? (1)

Nay xét đến Sử tàu, thì quyền sử có giá-trị nhất và lâu nhất là *Sử-ký* của Tư-mã-thiên, chép chuyện Tần Thủy-hoàng có đoạn nói rằng: «Thủy-hoàng... chiếm lấy đất Lục-luong, đặt làm Quế-lâm, Tượng-quận, Nam-hải». Dưới chữ Tượng-quận có chưa sáu chữ nhỏ là «Vi Chiêu viết, kim Nhật-Nam», Nghĩa là Vi-chiêu cắt nghĩa Tượng-quận đời Tần tức là Nhật-Nam đời Vi-chiêu.

(*Sử Ký*; Tần thủy-hoàng bản-kỷ, q. 6, tờ 3 a).

Đến quyền sử Tàu cũng có giá-trị như *Sử-Ký* Tư-mã - Thiên là *Hán-thư* của Ban-cổ. Trong *Hán-thư* có hai đoạn chép về Tượng-quận: một là năm thứ 5 của Hán-cao-tổ, (202 tr. T. C.) sau khi lên ngôi hoàng-đế ở phía bắc sông Di-thủy, «Ban chiếu rằng: Hành-sơn-vương cũ là Ngô-Nhuế cùng hai con và một con người anh, theo quân Bách-Việt để giúp chư hầu đánh Tần, có công to, chư hầu lập làm Hành-sơn-vương, sau Hạng-Vũ xâm chiếm đất ấy, gọi là Bàn-quân, nay lấy Tràng-sa, Dự-chương, Tượng-quận, Quế-lâm Nam-hải, cho Bàn-quân Nhuế làm vua, gọi là Tràng-sa-vương». Dưới dẫn *Mậu-lãng-thư* đề chưa nghĩa rằng: «Tượng-quận, quận-trị ở Lâm-trần, cách Tràng-an (17.500 một vạn bảy nghìn năm trăm dặm)» (*Hán-thư*, Cao-đế-kỷ, q. 4, hạ, tờ 1 b). Nay xét Tràng-sa là tên quận đời Tần (246-207 tr. T. - C.) đến đời Hán (206 tr. T. C. đến 219 sau T. - C.) đặt thành nước, cõi đất gồm cả tỉnh Hồ-nam bây giờ. Tràng-an là Kinh-đô đời Hán, nay là phía tây-bắc huyện Tràng-an, tỉnh Thiểm-tây.

Lại một đoạn nữa ở *Hán-thư* về mục địa-lý chỉ chép rằng: «Quận Nhật-nam tức là Tượng-quận cũ đời Tần, năm 111 trước T. C. Hán-vũ-đế

mở thêm ra, đổi tên là Nhật-nam, có mười sáu con sông nhỏ, đều chảy đi đến 3180 dặm; từ nước vào Châu Giao»,

(*Hán-thư* địa lý chí, q. 28, hạ, tờ 3 b)

Quận Nhật-nam có 5 huyện, trong có huyện Tượng-lâm, năm 137 con chữ công-tào ở huyện là Khu-liên tự lập làm vua, biệt thành một nước gọi là nước Lâm-áp, sau đời Hoàn-vương, lại dời Chiêm-thành, cử xem *Đại-nam-quốc-cương-giới-vịnh-biên* (sách viết trường Bắc-cổ, số A 1199, q. 7, tờ 21a) thì nước Chiêm-thành phía bắc giáp Hà-tĩnh bây giờ, phía nam giáp Cao-mên bây giờ, từ nam đến bắc hơn 2000 dặm, từ đông đến tây ước 300 hoặc 400 dặm. Xem như huyện Tượng-lâm là một phần trong quận Nhật-nam còn to như thế, mà quận Nhật-nam lại là một phần của Tượng-quận, thế thì Tượng-quận rộng biết là chừng nào!

Cho nên có một quyền sử Tàu nữa là quyền *Thông-giám tập-lâm* của triều-dinh nhà Thanh dọn lại các sách của Tư-Mã-Thiên, Ban-cổ, Tư-Mã-Quang và Chu-Hy, làm năm 1768, cũng chép một đoạn trong đời Tần Thủy-hoàng rằng: «Nhà Đinh-hợi (214 t. T. C.)... Nhà Tần lấy đất Nam-Việt đặt Quế-lâm, Nam-hải, Tượng-quận...» Dưới chữ Nam-Việt chưa «tức Bách-Việt, cũng gọi Dương-Việt»; dưới chữ Tượng-quận chưa «Đất ấy rộng xa, nay phủ Liêm, phủ Lôi tỉnh Quảng-đông, phủ Khanh-viên, phủ Thái-linh, tỉnh Quảng-tây, và cả nước An-nam» (*Ngự-phê thông-giám tập-lâm*, q. 11, tờ 6b).

Có người cho nghĩa ấy là hoang-duơng, không có lý một quận mà rộng lớn đến như thế. Nhưng xem mấy quyền sách tàu chép sau này thì rõ.

Sơn-hải kinh của Quách-Phác đời Tấn, (265-419 sau T. C.) chép rằng: «Núi Nguyên-thủy phát nguyên từ phía tây huyện Lâm-thành (nay thuộc đạo Vũ-lãng tỉnh Hồ-nam) ở Tượng-quận (tức

(1) Đầu đề này kỳ trước bỏ sót.

(Nhật-nam) vào phía đông chảy xuống sông Giang, vào phía tây huyện Hạ-tỷ (nay thuộc Trảng-sa) chảy rớt vào trong Lồ Động-dinh ». *Son-hải kinh* q. 13, tờ 2a). *Thủy-kinh chú* của Ly-đạo-Nguyên đời Hậu-nguyên (386-534) chép rằng : « sông Nguyên phát từ huyện Thả-lan quận Tường-kha, vào phía đông bắc đến huyện Tâm-thành gọi là sông Nguyên, phía đông bắc qua phía nam huyện Lâm Nguyên, phía đông đến phía tây bắc huyện Hạ-tỷ quận Trảng-sa rồi chảy vào sông Giang, hạ-lưu sông Nguyên chảy rớt vào hồ Động-dinh, rồi mới lội ở sông Giang ». (*Thủy-kinh chú*, q. 37, tờ 17b đến 22b).

Cứ hai quyển ấy chép Tượng-quận có sông Nguyên, nay xét ra sông Nguyên vẫn ở địa phận Tàu bao giờ.

Son-hải kinh (q. 13, tờ 2a) lại chép rằng : « Sông Uất phát nguyên từ Tượng-quận, đi phía Tây-nam chảy vào Nam-hải, rồi vào phía đông-nam Tu-lãng ». *Thủy-kinh chú* chép : « Sông Uất tức là sông Đồn ở nước Dạ-lang, (phía tây tỉnh Quý-châu), phía đông qua huyện Thả-lan quận Tường-kha, gọi là sông Tường-kha (tức là sông Bắc-ban từ Quý-châu qua Vân-nam, Quảng-tây, Quảng-đông, là Tây giang), qua quận Uất-lâm, gọi là sông Uất, phía đông qua quận Thương-ngô, phía nam chảy qua quận Hợp-phố châu-Giao, lại qua Châu-quang và quận Nam-hải, chảy tắt đen ben Tứ-hội, trên đụn nước sông ở phía tây huyện Lu-dung quận Nhật-nam, qua lại sông, ở Lu-dung Thọ-linh đến phía nam thành Khu-túc, lại qua thành Khu-túc, phía đông cùng với sông Lu-dung, lộp chảy vào sông Lang-cưu, nước sông Lang-cưu chảy xuống đầm thành hồ, gọi là Lang-hồ, chỗ cửa sông hay còn dấu vết thành Tượng-quận của đời Tần. Sông Uất lại từ phía nam huyện Thọ-linh chảy rớt ra biển ». *Thủy-kinh chú*, q. 36, tờ 15a đến 30b).

Hai quyển ấy chép Tượng-quận có sông Uất, nay xét ra sông Uất phát nguyên từ tỉnh Quý-châu qua Vân-nam Quảng-tây Quảng-đông bây giờ, lại

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU SỬ TA SO

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

RỪNG GIA ĐÌNH

C. K. CHESTERTON

THÁI MẠC dịch

Trong bài luận này, chúng ta cần xem xét cái của người gọi là vấn-đề nghèo-khó, riêng cho cái nghèo-khó vô nhân-đạo của giới kỹ-nghệ hiện-đại. Nhưng, trong địa-hạt lý-tuởng, thì khó-khăn chẳng ở vấn-đề nghèo khó mà ở vấn-đề giàu-có. Chính cái tâm-lý đặc-biệt của nhân-rối và xa hoa nó làm sai hẳn đời người. Vốn có biết ít nhiều về những trào-lưu hiện-đại, vào cái thứ tên gọi là « tân-tiến », nên tôi biết chắc rằng những trào-lưu đó, đều đổ nền trên các kinh-nghiệm của nhà giàu. Ví dụ như câu ngụy-biện về ái-tình tự do, nghĩa là ái-tình coi như là có nhiều hồi nhiều cảnh. Muốn thế cần phải có nhiều rối rắm mới có chán vợ mình được, và phải có xe hơi mới đi tìm bà khác dạng. Lại cần có tiền mới bao nổi. Anh cầm lái xe chỉ đủ thời giờ yêu vợ mình, không kịp đề ý đến vợ người khác. Tôi còn thể kể nhiều thí dụ về cái cách lợ giàu sau câu chuyện tiến-hóa cái tâm-lý tu-tủi của bọn thông-trí. Chẳng hạn sau câu này : « tại sao đàn-bà về phương-diện kinh-tế, lại thuộc quyền đàn ông ? ». Tôi sẽ giả nhời rằng, nếu xét các người nghèo, thì đàn-bà có thể đầu — hay có thì cũng chỉ bằng anh đàn ông phải thuộc-tòng đàn-bà. Gã đi săn có thể đánh rách áo quần ; phải có người vá cho chừ. Gã đi câu phải câu cá ; lại phải có người nấu chín cho ăn. Vậy thì, quyết nhiên cái ý-niệm cho đàn-bà là « một kỹ-sinh xinh đẹp đáng mê », một « thức đồ chơi », v. v. ... sản ra cũng tại chỉ nhìn cái cảnh rầu rầu mấy gia-đình giàu có, ông chủ nhà lảng thì ra xem làm tiền nói rằng làm việc mà bà vợ thì ra xem ăn chơi nói rằng chẳng làm gì sốt. Một anh là lệ-giáo với vợ hợp thành một đoàn.

Nhưng trong các ý-niệm hiện-đại do phê-phôn sinh ra, thì có cái này là tệ nhất : tưởng rằng đời sống trong gia-đình là chán và phẳng lặng. Ở trong nhà (họ bảo) chỉ có khuôn phép tượng gỗ và bo bo ; ra ngoài mới có phiêu-lưu, thay đổi. Đây là ý kiến anh nhà giàu. Anh ta biết rằng nhà mình lẩn trên bánh xe cao xu to lớn của cửa cải, có sư đoàn đẩy tờ kéo đi theo đúng lẽ lảng lạng và nhanh chóng. Ở bên ngoài thì phố-phường mang lại bao nhiêu chuyện bất ngờ và thi-vị. Họ có nhiều tiền nên có thể yên lòng mà lắt chước chàng vô nghệ lang thang. Phiêu-lưu của họ dù có lảng lảng đến đâu cũng kết-cục ở hàng com, còn cuộc phiêu-lưu tầm thường đến đâu của anh nghèo cũng kết-cục ở bóp cảnh-sát. Nếu hấn đập vỡ cửa kính, hấn đến được ngay ; nếu hấn làm sứt mẻ một người, hấn có thể cho tiền phụ cấp. Hấn có thể (như anh giàu ức triệu trong truyện) mua cửa hàng com để uống độc một cốc rượu. Và, vì cái lẽ hấn, cái-con người xa hoa đó, tôi mẫu cho tất cả tư-tuởng « tân tiến » và « tiến bộ », nên chúng ta gần quên cả cái hình-ảnh gia-đình của quần-chúng.

Vì, thật ra, gia-đình, đối với người nghèo vừa vừa, là miếng đất có thể dụng tự-do được. Hơn nữa, đó là miếng đất có thể bê tha được. Chỗ đó là chỗ độc-nhất ở trên mặt đất mà một người có thể hốt-nhiên dời chỗ cho mọi vật, thí-nghiệm một trò gì, hay tự-ý soay ngang soay dọc. Còn ở chỗ khác, thì họ phải theo quy-tắc chặt-chế của hàng com, câu lạc-bộ hay viện bảo-tàng. Ở nhà, hấn có thể ngồi phệt xuống đất mà ăn, nếu hấn thích

(Xem tiếp trang sau)

qua địa-phận Bắc-kỳ (châu Giao) vào Trung-kỳ (Nhật-nam) rồi chảy ra biển.

Xem như thế, thì quyển *Tập-lãm* nói về Tượng-quận rộng xa, gồm một phần Quảng-tây, một phần Quảng-đông, cả Bắc-kỳ và Trung-kỳ ngày nay là phải.

Cho nên quyển *Thông-diễn* của Đỗ-Hựu đời Đường (918-935) có chép một đoạn ở *Cổ Nam-việt* rằng : « Tần Thủy-hoàng đánh lấy đất Lạc-lương, dẹp được Nam-việt đặt ra quận, ấy là quận Nam-hải, quận Quế-lâm và quận Tượng ». Dưới chữ Tượng chưa rằng : « Nay các quận Chiêu-nghia, Nam-phan, Phồ-ninh, Lăng-thủy, Nam-xuong, Định-xuyên, Ninh-việt, An-nam, Vũ-nga, Long-thủy, Hàn-thành, Cửu-chân, Phúc-lộc, Văn-duong, Nhật-nam, Thừa-hóa, Ngọc-sơn, Hợp-phố, An-lạc, Hải-khang, Ôn-thủy, Tạng-tuyền, Thông-diễn, q. 184, tờ 5b ». Tính ra được 88 huyện, thế mà An-nam lúc bấy giờ (tức Bắc-kỳ ngày nay) chỉ có 7 huyện, thì biết Tượng-quận không phải nhỏ hơn các Quận khác.

Còn *Nguyên-hòa quân-huyện chí* (q. 38, tờ 2a và b) và *Thái-bình hoàn-vũ ký* (q. 170, tờ 1a và b) đều chép đại-lược như quyển *Thông-diễn*, nghĩa là cũng nhận Tượng-quận là rộng lớn.

Sách của ta như quyển *Đại nam quốc-cương giới-vực biên* (sách viết trường Bắc-cổ số A1199, q. 7, tờ 21a đến 22b) có bài khảo hấn chữ nho về Tượng-quận như sau này :

« *Khâm-định Việt-sử Tiền-biên* chép « Năm thứ 44 đời Thục An-duong-vương (tức năm thứ 33 đời Tần) Thủy-hoàng sai Đồ-Thư và Sử-Lộc, lấy Lĩnh-nam, đặt Tượng-quận. *Khâm-định Việt-sử* dẫn lời nói của Chu-Khu-Phi ở trong quyển *Lĩnh-ngoại-dại-dã* làm chú-thích, nói : Đất cũ Bách-Việt từ khi Tần Thủy-hoàng kiêm tính thiên-hạ, dẫn cây sửa đường, sửa sang đất Dương-Việt, đặt làm Nam-hải, Quế-lâm, Tượng-quận. Tượng-quận đời Tần tức là Giao-chỉ đời Tống ».

(Còn nữa)

Ứng-hòa NGUYỄN VĂN TỐ

VỚI SỬ TÀU SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

RỪNG GIA ĐÌNH

(Tiếp theo trang trước)

thế. Tôi vẫn thường làm vậy, lúc ấy lòng có cái cảm-giác hay hay, trẻ con, thi-vị, có cái khí hậu buổi mang com lên núi ăn. Nếu tôi vào một cửa hàng bánh A. B. C. mà làm thế thì quyết không xong rồi. Ở nhà, anh có thể mặc áo ngủ, đi băng-túp mà ăn, ra hiệu thì chắc chắn là không được, tuy tôi chưa thử bao giờ. Khi anh ra hàng com anh phải uống vang kê trên băng, dù là uống hết các thứ vang kê ra đó, nhưng vẫn là phải uống một vài thứ mà không tránh được. Nếu anh có nhà, yườn thì anh có thể pha hoa hồng làm trà, ép hoa bìm bìm làm rượu, nếu anh thích thế. Đối với một người giản-dị, làm việc nặng, thì gia-đình chẳng những là chỗ của phẳng-lặng đều-đều tránh hẳn cái thế-giới lằng-lằng. Lại chính là chỗ của mọi-rợ trú ẩn trong một thế-giới toàn quy-tắc với công việc cắt trước. Chỉ có trong nhà, hẳn mới giải thắm lên trần, để đá đen (Ardoise) lợp mái xuống đất, theo ý mình. Một gã la-cà hết đêm rày qua đêm khác từ tiệm này đến nhà ra-vũ nọ, người ta thường bảo đời họ lằng-lằng. Thật oan : đời họ đều đặn đầy chữ, tuy rằng phải theo quy-cử buồn-thảm, có lúc chặt chẽ của các chỗ ăn chơi đó. Có khi họ chẳng được quyền ngồi ở các tiệm rượu nữa, lại có khi người ta chẳng cho phép họ hát hồng ở các rạp ca vũ. Ta có thể giảng-nghĩa khách-sạn là nơi, bắt buộc phải ăn mặc chỉnh tề — và rạp hát là nơi cấm hút thuốc lá. Chỉ ở nhà là mình được ăn *pique-nique* tự-nhiên.

Như tôi đã nói, cái mảnh quyền-hành nho nhỏ đó, cái quyền sở-hữu nhất-định một gian phòng đầy tự-do ấy, chính là đầu đề bài luận của tôi. Dù chúng ta có đủ hay không đủ phương-tiện để cho mỗi người Anh một gia-đình tự-do, thì chúng ta cũng ao ước như thế : mà họ, họ cũng ao ước như thế. Chúng tôi đương nói đến điều họ mong, chứ không phải đến điều họ chờ. Họ ao ước một cái nhà riêng chẳng hạn. Nhưng vì chuyện buồn

bán, họ phải chung tường với người khác — cũng như, nếu có giống người ba châu, họ có thể phải chung một châu với một người nữa. Nhưng trong giấc mơ phong lưu, tự do của họ nào có phải thế đâu. Lại lần nữa, nào họ có muốn một gian gác. Họ có thể ăn, ngủ, cầu Thượng-đế trong một gian gác — bấy nhiêu việc họ có thể làm trên xe hỏa được. Nhưng xe hỏa chẳng phải là nhà : vì đó là ngôi nhà đặt trên bánh xe. Một gian gác cũng không phải là một nhà nổi : vì đó là một ngôi nhà đi khò-kheo. Trong giấc mê đặc biệt ấy, có một ý niệm về sự đụng chạm với đất và một ý niệm về nền-móng lẩn với ý-niệm về xa cách và tự-do độc lập.

Ai là người chừng mực ra, tất vừa ao ước một cô vợ và mấy đứa con do cô vợ ấy đẻ ra, lại vừa ao ước có một tòa nhà để nhét vợ con vào đó. Họ muốn, chẳng những một mái ngói trên đầu với một chiếc ghế ở dưới, mà cả một vương-quốc, trông thấy rõ ràng, sờ mó được : một ngọn lửa để nấu đồ ăn mình ưa, một cái cửa để mở cho bạn mình đã lựa chọn vào. Đó là nhu cầu bình thường của người đời ; tôi không dám bảo là toàn thể như thế. Trên cái nhu cầu đó có thể có những bậc thánh, dưới nó có thể có các người vị tha. Nhưng điều tôi nói có giá trị chung cho một số đông. Cho mỗi người một tòa nhà tầm thường thôi, là ai cũng bằng lòng ; tôi dám quả quyết thế. Các ngài vội cái rằng, ở nước Anh hiện giờ, klô mà cho mỗi người một cái nhà. Xin vâng : tôi chỉ bày tỏ một « nguyện vọng »...

G K Chesterton

(bản dịch pháp văn của J—C Laurens)

THAI MAC dịch

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thần của mình mà thụ lấy những cái khí hùng vĩ của đoàn thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tiền nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai

MARÉCHAL PÉTAIN

VÀI CẨM TÚ'Ở'NG VỀ HOA VÀ BÉ

(Tiếp theo trang 12)

hành hạ Hoa, và những bệnh nã chỉ nhằm lúc sơ ý của người đời là đến cướp Bé đi. Mà Hoa và Bé thì cũng mỏng manh, yếu ớt bao nhiêu.

Bé và Hoa có khác nhau chẳng chỉ ở chỗ khi Hoa tàn, người đời thương tiếc là thương cho kiếp mỏng manh, tiếc một mỹ công của Tạo Hóa. Còn Bé mất đi, mang theo cả những tấm lòng yêu thương thấm thiết, có khi là cả hạnh phúc một đời của một thiếu phụ đáng thương, muốn giữ vững chút địa vị trong gia đình, muốn khỏi bị rẻ rúng, đã cầu khẩn, mong đợi từng ngày một đứa con nối dõi.

Người đời kẻ cũng đã tốn công bảo vệ cho Hoa và Bé, nhưng chưa có cách nào hoàn toàn chu đáo, nhiều bông hoa vẫn thường tan tác vì bàn tay phủ phàng của mưa gió bất kỳ, bao nhiêu em nhỏ vẫn phải rũ rời vì cơn bệnh không ngờ.

Vậy mà còn có nhiều người lơ đãng quá; không chịu bán khoán ngay từ lúc một nhọc đến với Bé buổi đầu tiên, để sau tốn bao nhiêu tâm sự thâm thiết. Những chiếc xe tang nhỏ bé nhiều khi đã khiến tôi phần uất năg một ý tưởng: Muốn những bông hoa đừng nở ở những khu vườn của người không biết quý trọng thưởng thức.

Nhưng bữa nay đứng trước vườn hoa đầy nở, hương đưa ngào ngạt, cảm thấy Hoa đại lượng quá, cảm tình của Hoa phần phát rộng quá, tôi muốn lòng tôi cũng rộng mở để gửi những thiện cảm của tôi đi khắp nơi bằng cách thành tam câu khăn cho bất kỳ người thiếu phụ nào cũng có lần được làm cái cử chỉ đẹp nhất của người đàn bà là ngồi khâu chiếc áo lọt lòng. Vì theo ý tôi, bức tranh đẹp và nên thơ nhất là bức vẽ một người thiếu phụ đương cầm cụ gửi những cảm tình xấu xa của mình vào những đường kim mũi chỉ trên chiếc mũ, chiếc áo nhỏ, xinh. Và môn nữ công đáng yêu nhất là khâu những chiếc áo đẹp cho em nhỏ.

Xưa kia có người cung phi ngồi trong cung cấm khâu áo cho binh sĩ ngoài chiến địa, đem khâu kèm cả một bức thư tâm sự cho một người không quen biết. Ngày nay mỗi mùa đông tới, những nhà từ thiện lo khâu áo ấm phần phát cho người nghèo khổ; ở chốn thôn quê hẻo lánh này, tôi cũng muốn viết muốn nghìn bức thư nhờ các bàn tay hiền từ

khâu dùm tôi vào những chiếc áo nhỏ bé để chuugen tới tay những người mẹ ở khắp các phương trời xa lạ mắg lời dặn dò của tôi: « Giữ gìn các em nhỏ dùm tôi với. Ấp ủ kỹ vào, đừng để em nhỏ lạnh. »

Tôi muốn mọi người làm vườn lo buộc rào đỡ cây từ trước khi Trời nổi gió; tôi muốn các bà mẹ hãy bán khoán từ lúc em nhỏ mới hơi ấm dần, hoặc moi ho liếng thơ nhất.

Vì tôi ước mong không bao giờ phải trông thấy một bông hoa gãy gục, cánh dập nát; không bao giờ phải nhìn một cặp mắt mệt nhọc lơ dờ trong khuôn mặt nhỏ bé ẻo lả nép trên vai người mẹ.

Tôi muốn những cây bút tài tình của tất các tâm hồn giàu tình yêu trẻ sẽ chỉ để phôi bày những tình yêu thương sâu rộng say sưa với, hoặc tả những nét thơ ngây thần tiên, chứ không phải để tả một tấm lòng thương xót, đau đớn. Văn chương tuy sẽ thiệt đi ít dòng kiệt tác về tâm sự thông thiết, nhưng đời đời tổn đi mất bao nhiêu nước mắt.

Không biết Hòa và Bé, các em nhỏ ấy có biết hôm nay tôi nghĩ nhiều về các em thế nào, và bằng ý nghĩ tốn trọng thế nào. Các em có biết tôi thương thiết tha cần nguyện cho muôn loài hoa đều được ở trong nhà kính những khi gió bão, và tất các em nhỏ trên thế gian này đều có một chiếc tiền-y' chống lại được với lưỡi hái của Tử-Thần?

Cầu Trời ban cho tôi một đặc ân không bao giờ phải nhìn một bông hoa rũ cả nh khi cuống chưa khô, không bao giờ phải đưa một em nhỏ sang bên kia cõi đời.

Đề cho mọi khu vườn giữ mãi được vẻ đẹp, để mọi gia đình đừng trống trải.

Hề tưởng nhớ chân Tường Vân và tất các em nhỏ yêu vong của tôi.

NGUYỄN THỊ THUẦN

Ô-TÔ NHÀ LÃO.

CÁI MỘNG ĐÓ

SỞ THÀNH SỰ THỰC

NẾU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ ĐỒNG PHÁP (15)

LÔI VŨ

BI KỊCH CỦA TAO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

(Tiếp theo)

Xung — (nói với Phồn y, nước mắt lưng tròng) Thôi mợ uống đi, mợ uống đi cho con một ngụm. ... mợ không uống ba con gắt nữa kia!

Phồn y — (Khẩn khoản) Thôi, cậu đề đến tối tôi uống cũng được mà.

Phác viên — Mợ là một người đàn bà, mợ là một bà mẹ, mợ cũng phải nghĩ đến con cái nữa chứ! Dầu mợ không quý gì cái thân mợ đi nữa, thì cũng phải tập cho con cái biết vàng-lời chứ.

Phồn y — (Nhìn quanh quất, nhìn Phác Viên, lại nhìn qua Bình; cầm lấy chén thuốc nước mắt lại láng, lại đặt thuốc xuống) Giới ôi! Tôi không tài nào mà nuốt được.

Phác viên — Bình! mày tới mời mợ mày uống đi.

Bình — Thưa ba, con. ...

Phác viên — Bảo mày đi tới mà! Đi tới, rồi quý xuống, khuyên mợ mày uống đi cho tao xem!

Bình — (chạy tới trước mặt Phồn y, còn ngoảnh lại nhìn Phác Viên) chào! Ba!

Phác viên — Quý xuống! Bảo mày quý xuống!

Bình quý xuống trước mặt Phồn y, nhìn thấy Phồn y khóc nước nỏ và Xung run đay đay.

Phồn y — (nhìn Bình, không đợi Bình quý, nói lạt đặt) Thế thì tôi uống, đề tôi uống (cầm chén thuốc, uống được hai ngụm lại khóc nước nỏ, nhưng thấy bộ Phác viên dữ tợn và thấy mặt khổ não của Bình, lại vội vàng uống hết chén thuốc) Giới ôi! : (Phồn y vừa đi ra vừa khóc nước nỏ)

(Một lát)

Phác viên — (xem đồng hồ) Còn ba phút nữa. (Bảo Xung) Vừa rồi, mày định nói gì kia?

Xung — (ngừng mặt lên) Ba bảo gì kia?

Phác viên — Hồi này mày bảo lấy một nửa tiền học tao cho mày. ... Á! mày nói thế nào?

Xung — Thôi ạ: bây giờ con không dám xin nữa.

Phác Viên — Thế là mày không muốn nói điều gì nữa phải không?

Xung — (Vừa nói, vừa khóc) Không, không ạ! (đira về phía buồng ăn) Mợ nói thế mà đúng!...

Phác Viên. — Xung! mày đi đâu?

Xung. — Đi lên lầu thăm mợ con.

Phác Viên — Mày đi thế đấy ư?

Xung. — (bất đắc dĩ, giở lại) Vâng, con định lên phòng mợ. Ba có dặn gì không?

Phác Viên. — Rồi hăng! Giở lại đây đã!

Xung. — Ba dặn gì kia?

Phác Viên — Thưa với mợ mày rằng: tao đã mời ông Docteur người đức là ông Kook đến thăm bệnh cho mợ mày rồi đấy.

Xung — Nhưng mợ con cũng đã uống thuốc rồi đấy chứ.

Phác Viên — Tao xem chừng mợ mày tinh thần có vẻ thất thường lắm, có lẽ bệnh khá nặng kia đấy! (Ngoảnh lại nói với Bình) cả mày nữa, mày cũng thế.

Bình — Con muốn giở về phòng nằm nghỉ một chốc.

Phác Viên — Khoan đã. Mày hăng ngồi lại. Tao còn có chuyện muốn hỏi mày (Bảo Xung) Thưa với mợ mày rằng: ông đốc tờ Kook là một nhà chuyên môn về bệnh não, tao đã quen biết ông ấy từ hồi du học nước Đức kia. Chốc nữa ông ấy lại thế nào mợ mày cũng phải xuống đề ông ấy khám cho xem thế nào! Nghe không?

Xung — Vâng, con nghe rồi ạ: ba còn dặn gì nữa thôi?

Phác Viên — Thôi, mày lên gác đi.

(Xung đi lên)

Phác Viên — (nói với Phượng) Phượng, in tưởng tao đã dặn mày rằng: khi nào công việc làm xong, là mày được về nhà.

Phượng — Vâng! Lạy ông ạ. (Phượng đi ra)

(Quý từ phía bàn giấy đi tới, thấy ông chủ, liu cả miệng)

Quý — B...ăm... B...ăm... B...ăm... ẹ... ồ...ng khách vừa tới trên kia.

Phác Viên — Ủ, mời ông ấy vào trong phòng khách.

Quý — Vâng... ạ (đi ra).

Phác Viên — Đưa nào lại mở mấy cái cửa sổ ra thế này?

Bình — Em Xung vừa mới mở ra cho con đấy ạ.

Phác Viên — Đóng lại đi (lau nhờn kính) Cái nhà này, thầy tớ trong nhà dùng cho nó tự tiện ra vào. Tao đã định thỉnh thoảng vào đây nằm nghỉ một mình cho yên tĩnh đấy.

Bình — Vâng.

Phác Viên — (nhìn đồ lể trong phòng) Bấy nhiêu đồ đạc, tuyên là đồ dễ mảy xua kia thích lắm đấy. Từ lúc tao ở miền Nam giới nhà lên trên này, đồi chỗ ở có mấy lần nhưng vẫn giữ được nguyên vẹn (đeo kính, ho khẽ) cho đến cả cách bài trí cũng vậy: tao vẫn sắp đặt in như ba mươi năm về trước, lúc còn ở đây. Đồ lúc nào nhìn qua thời trong lòng cũng thư thái được một tí (bước tới cái bàn con, cầm lấy bức ảnh và ngắm) Để mảy xua kia cứ đến tiết hè là chỉ thích đóng kín cửa sổ lại.

Bình — (cười giọng) Nhưng con tưởng ba muốn kỷ niệm để con cũng bà tất... .

Phác Viên — (bỗng ngừng đầu lên) Nhưng tao nghe người ta nói lâu nay mảy đã làm một điều rất xấu hổ.

Bình — (giật mình) Con... Làm gì?

Phác Viên — (đi tới trước mặt Bình nói khẽ) Cái việc mảy làm đó, đối với ba, rất là không phải, mảy biết không? Và... đối với đồ mảy cũng không phải....

Bình — (có vẻ thất thố) Thưa ba....

Phác Viên — (cầm tay Bình, nói rất nhân từ) mảy là con cả của ba. Ba không muốn nói câu chuyện ấy trước mặt người khác.... (dừng một chốc lại nói, có vẻ nghiêm nghị) tao thấy người ta nói hai năm nay tao đi vắng mảy ở nhà sống không có quy củ gì hết!

Bình — (càng sợ) Thưa ba, con có làm gì.... có làm gì đâu?... .

Phác Viên — Làm con người mình đã có gan làm, phải có gan chịu trách nhiệm.

Bình — (xanh mặt) Ba... Ba...

Phác Viên — Các người đảng công ti bảo rằng này cứ ngày đêm mê một với tiệm nhảy. Nhất là hai ba tháng nay, rượu chè bọ bét, cờ bạc thâu đêm, nhiều hôm không về nhà ngủ.

Bình — A! (thở ra một hơi, nhẹ hẳn người) Ba bảo rằng...

Phác Viên — Có thực thế không? (một chốc) mảy nói thiệt đi.

Bình — (đổ mặt) Thưa ba, có thiệt đấy ạ.

Phác Viên — Người ta đã gần ba mươi tuổi đầu thì cũng phải biết tự trọng. Mảy còn nhớ vì sao tên mảy gọi là Bình không?

Bình — Vẫn nhớ đấy ạ.

Phác Viên — Mảy nhắc lại xem.

Bình — Vì rằng: để con xua kia tên là Tư-Bình. Lúc để con chết để mới lấy chữ Bình đặt tên cho con.

Phác Viên — Vậy thì tao xin mảy từ rày về sau mảy hãy nhớ lấy để mảy mà sửa đổi hạnh kiểm mảy lại.

Bình — Thưa ba, vâng ạ. Thiệt con đã lầm lỗi, sa đà trong mảy lâu.

(Lỗ Quý đi từ phía phòng giấy xuống)

Quý — B...ăm... B...ăm... ẹ... ồ...ng khách chờ... chờ trên ấy đã khá lâu.

Phác Viên — Được rồi!

(Lỗ Quý ra)

Phác Viên — Gia đình của tao, tao chắc là một gia đình tốt-đẹp có trật tự hơn nhà ai hết; con tao, tao chắc là khỏe khoắn, nói na hơn con ai hết. Tao đã dạy dỗ ra chúng mảy, tao nhất định không muốn để cho người ta chê bai chúng mảy một tí gì!

Bình — Vâng ạ.

Phác Viên — A! còn ông khách.... (nói một mình) A! tao lại nghe kho chịu rồi (Bình đi Phác Viên đến cái sofa)

(Lỗ Quý vào)

(Xem tiếp trang 20)

VÒNG NGỒ ĐÔNG

NGUYỄN TRẦN

« Một thiên tùy bút lại càng nào nhàn »

(Tiếp theo)

Cái hứng viết thư đương còn thừa dả, và thấy sự thỗ tạn can tràng lúc canh khuya này là một điều không nên tiết kiệm nữa, tôi lại soạn giấy đề kẻ lề thêm chút niềm riêng với một người bạn khác ở Sài Gòn. Cũng như bức trước không chịu phó cho nhà Dày-thếp để về Bắc, lá thư này cũng bị tôi giữ lại, đánh cho nó một cái giá trị của trang nhật lý ghi lại ít nhiều bẽn lẽn trong một lúc nhỡ độ thường bên giòng Thời gian. Lá thư này, chữ viết xấu và xit giọng quá.

« Có Lạn Khanh a,

« Có lẽ có là người than phiền nhiều nhất về tính lười của tôi. Chỗ bạn hữu, có được đứng trên hết về việc bán khoán hộ tôi. Có sẵn sóc đến tôi nhiều quá và lười lúc rất dễ thương — dễ thương một cách sốt ruột — ở chỗ đã chịu khó tìm tôi, tỏ mò đến tôi. Tôi ngờ rằng có đã rõ tôi hơn là tôi.

« Trước khi tôi bỏ Hà-Nội, có có gởi tôi một lá thư hỏi tôi độ này làm được những gì và thưa thiết buộc tôi phải hồi âm cho thật đại. Rồi chỗ tại bút, có phải kêu lên rằng tôi lười lắm, gần đây chẳng chịu làm gì cu. (Làm nghĩa là viết, phải không? Chứ tôi thì còn làm được cái thà gì ở cuộc đời này nữa, phải không có Lạn Khanh?)

« Thật vậy, gần đây tôi lười lắm, nghĩa là không viết được tí nào. Việc trừ thuật chừng như chỉ còn hứng thú ở chỗ dự tính trong đầu thôi. Làm việc thấy khó khăn quá. Nhìn xuống cái mặt trắng của tờ giấy, đã có bao nhiêu lần tôi lo sợ. Tôi không phải là một kẻ nhẽo bên trong lòng; vậy mà cầm đến bút định viết thì chữ

« không chịu ra (cũng như đã nhiều buổi, tôi mở sách đọc thì chữ không chịu vào), rồi tôi lại bỏ giấy bút nguyên thể mà chạy ra đường, ngồi lên một cái xe, trong bụng nghĩ lấy làm chê trách mình đến điều. Cái xe bao giờ cũng phải đỗ mình ở một chỗ nào. Thì cái chỗ nào ấy là một quán rượu. Tôi hoang mang, không rõ mình có ra hiệu cho xe đỗ ở tửu quán không hay đây là một cái ý riêng của người làm xe; nhưng thôi, đã không ngồi yên bên bàn giấy được, đã muốn đi ra đường thì thế tất là mình phải đến một chỗ nào. Tức là lại đến cái hàng rượu quen này. Và đã vào đây thì mình phải tự tử mình đi trong muôn một, tôi phải gọi người ta đem ngay chất độc đến cho tôi. Rất nhanh. Một cốc, hai cốc. Năm cốc. Và, và... đã thấm chưa, hồi những người không biết tiếc thương và không có cái gì để phải quên đi ở cuộc đời này! Tôi đánh rơi một cái cốc đẹp xuống thêm hoa quán rượu, đánh một dấu chấm than cho ý nghĩ vừa chớm về với lòng mình đang vẩn vơ. Nhìn đồng vận thủy tinh bóng lánh nhơn sắc, tôi ngờ rằng đây mới là cái thâm ý của phao lè: đã trong sáng đến ngần ấy thì phải reo vang lên — dấu chỉ được có một lần thôi — rồi tan nổ, rồi trở về cái chỗ không có hình thể, tôi liền rút cuốn sổ tay ra, định ghi ít cảm tưởng, tran thành. (Chỉ có người say rượu thì mới nói thẳng thối Lục tỉnh, chúng ta hay dọn xếp câu viết, lời nói và ngay đến cả ý nghĩ nữa). Lòng tôi quẩn quại cuốn cu như nước lũ huỷ giòng; đầu tôi bốc lừng như lửa đốt. Làm thế nào, có cách nào mà ghi lại cho thật tinh vi tế nhị tất cả những tiền tiết tỉ mỉ của lửa

« Ầy và nước Ầy trong người mình nhỉ ?
 « Ý tưởng của kẻ say chuyện nhanh theo
 « máu bị rượu rút gấp đã quay. Mà chữ,
 « những con chữ, thì chậm lắm, ghi lại
 « thế nào cho kịp được những cái chớp
 « nhoáng đảo nhòang kia của cái tâm sự
 « một cảnh củi bưng ửng giữa đám chân,
 « một cảnh củi trời cuốn giữa giòng miết —
 « hai việc nước và lửa này, đều xảy ra trong
 « khoảnh khắc trong người mình. Đến lúc
 « nào, lo ài người mới nghĩ ra được một
 « lối lốc kỳ mới — mấy triệu chữ một phút ?
 « — để cho người uống rượu dùng. Đến chưa
 « có thứ lốc kỳ ấy, thì mỗi lần từa đồ muốn
 « mượn rượu, để tìm mình, thì chỉ là một
 « lần bước thêm vào chỗ oan trái đấy thôi.
 « Bao nhiêu điều quý báu, bao nhiêu cái
 « thơm thảo và cả đến bao nhiêu cái ăn oán
 « thỏa đáng, rồi đến bao nhiêu phòng cảnh
 « đẹp lạ dưới bầu giờ men kia, lúc tỉnh
 « rượu là tan hết mất hết, muốn tìm lại
 « thì chẳng có gì ghi lại cho mình hết. Mà
 « mỗi một lần uống, có phải là rẽ đầu. Thế
 « nào, trên thân thể cũng có thương tổn và
 « lòng mang thêm ít mất mát. Đồ vô bên
 « ngoài và fan hoang ở trong, đó là cái
 « phong cảnh say mỗi kỳ uống rượu.

« Tôi muốn ghi ngay xuống trang sổ,
 « những cảnh sắc của cái thế giới bên trong
 « tôi đấy mà ít khi tôi được thấy rõ bằng
 « lúc ngáy ngất này. Tôi nhìn sát vào đầu
 « ngói vàng cây bút máy. Đầu ngói nhỏ
 « thế này, đầu có phải là chỗ đủ thoát cho
 « một giòng tư tưởng xô bồ hỗn loạn. Tôi
 « quăng bút cầm lấy cốc, tự nghĩ giá lúc này
 « mà cầm được bút lông viết đại tự, rồi
 « nét sổ của chữ « Thần » phải dài trên bốn
 « thước là thì mới hả. Chữ ngói bút máy bé
 « quá và quện tích trang viết hẹp lắm, nhỏ
 « lắm. Có như thế này thì tôi mới biết sợ bị
 « và thêm khát cái đời hạ sĩ. Bết rồi, dần
 « đấy, phàm đấy, tha hồ mà bôi lên giấy

« lên vài lên gỗ. Xanh đỏ trắng tím vàng
 « đen tùy theo cái sức phấn uất của mình.
 « Không, nói cho cùng, thì giá lúc này,
 « được làm nhà điêu khắc thì phải hơn hết.
 « Khi mình thấy lòng mình muốn nói nhiều
 « lắm mà tôi một cái là không thể nói thẳng
 « với clung quanh bằng lời nói được, thì
 « cầm một cục búa và một cái đục, trèo lên
 « giàn mà nói chuyện với một hòn đá đất
 « ngay giữa phòng làm việc, nói đến đâu
 « cái hòn non bộ lù lù nhìn thit kia lại rung
 « bắn nảy lửa lên, chẳng là hả lắm sao ?
 « Có chưa được thấy một người nào làm
 « việc với đá trắng. (Những người quen có,
 « chỉ mới có làm việc với con chữ thôi, với
 « giấy trắng thôi). Làm việc với tảng đá
 « đẹp lắm. Sau bao nhiêu ngày ốm nghén
 « vì một điều ám ảnh, bây giờ ta trèo lên
 « cái hòn núi xinh đặt ở phòng kia mà tự
 « thoát thai lên đấy, gỏi cái ăn khuấy của
 « lòng mình lên đá, gỏi đến đâu đá kêu
 « khóc rã rời đến đấy, cái lối làm việc như
 « thế, tôi cho nó rộng rãi khỏe mạnh và
 « thích hợp với những tâm trạng hay uương
 « phải khùng hoảng. Tôi thấy nhà điêu khắc
 « cầm búa có chỗ sướng hơn nhà văn cầm
 « cán bút. Làm một bài thơ bằng đá, tra tấn
 « đá bắt đá phải hiện lên thành một cái tâm
 « sự, buộc đá phải uốn theo làn đau thương
 « mong mỏi của mình; cầm búa đục, đục
 « mãi, bắt đá phải trả lời cho mình, kỳ khi
 « nào mình hài lòng thì mới chịu nằm nghỉ
 « — nếu nghỉ luôn được nữa thì cũng không
 « sao, có ả.

« Ta gỏi xuống tờ giấy mỏng manh tất cả
 « những cái gì đã làm cho ta trở nên con
 « người bất mãn ở ngay cuộc đời thật tại.
 « Tôi kêu như thế lắm. Và lắm lúc thêm
 « ngời được mãi mãi bên bàn giấy. Nhưng
 « quít lạ ngồi trước tờ giấy trắng là lòng
 « tôi ẽ, thây chĩa rẽ lăm rồi. Tôi không
 « vững n như lúc sắp ngồi vào bùn. Xưa
 « kia, mỗi khi cầm bút tớm thử nó lên tờ

« giã trắng trong tình thiết, tôi thấy sung-
 « sướng vô hạn, sung sướng đến chảy nước
 « mắt ra, đến nỗi có thể tưởng rằng mình
 « sẽ chết ngay được nữa bị mất cái quyền
 « viết. Bảy giờ khác lắm. Nó ngang trái hết.
 « Chẳng hạn, tôi định đem vào cái thế giới
 « tiểu-thuyết một ít con người rất khỏe
 « mạnh, rất yêu đời sống, rất bằng bột rất
 « hồn nhiên — hồn nhiên đến mức đã man
 « — thì, chỉ có chuyện từ cái lòng mình
 « sang đến lòng trang giấy, những con người
 « mình ấp yếm kia đều đã biến tính biến thể
 « kết. Không rõ vì cái sức ma quái gì mà
 « những con người ấy đều trở nên ẻo lả, vị
 « kỷ và quá thông minh. Tôi chỉ còn ngậm
 « ngùi trước cái cảnh phản trắc và nỗi loạn
 « này và tự hiểu rằng mình đã thiếu hẳn
 « sự thức tỉnh trong việc điều khiển. Đã có
 « bao giờ, có trông thấy cảnh một nghệ sĩ
 « cùng đồ? Người ta ngờ ngác như một kẻ
 « bị mất cấp tình cảm; mất cấp hết, mà chỉ
 « còn có việc khóc to lên cho mình nghe
 « thấy mình khóc thôi. Có người khuyên
 « tôi như thế thì nghĩ hẳn đi. Bởi vì khi
 « nào một người làm việc sáng tạo muốn
 « tìm lại mình, thì chỉ có làm việc rất nhiều
 « hoặc là dừng lại, nghỉ, dừng im hẳn. Tôi
 « đã theo lời chỉ giáo đó. Thế là cái lọ mực
 « bắt đầu đóng vẩy. Và đêm ấy, nhân có
 « người bạn thân đến đòi thức khuya với
 « tôi tại am nhà, còn một đôi nền bạch lạp,
 « tôi đem ra đốt cả. Từ ngày có chiến tranh
 « tôi không đủ tư cách thấp nền làm việc
 « đêm. Đôi nền trắng này, tôi nhờ một anh
 « bạn đi đạo nài lại của nhà chúng từ đã
 « lâu, cả đề dành đấy, không nỡ đem ra
 « đốt; trong bụng cứ đinh ninh sẽ có
 « người bạn thân nào từ giữa cõi đời này
 « thì đem đến góp vào một cái đêm nhập
 « quan. Vậy đem nó ra đốt lên, ánh sáng
 « nền soi xuống những giọt lệ sắp đổ hình
 « sao trên án sách, tôi bắt ngủ như lúc sắp
 « chực tay với ai. Uống hết hai tuần trà tàu
 « và một tuần rượu, bạn tôi hỏi :

« — Sao, đồ này có làm được gì không ?

« — Tôi sắp đi chơi xa.

« — Lại đề viết ?

« — Cũng mong được thế. Nhưng không
 chắc.

« Thôi nói chuyện khác.

« Đêm ấy cách đây nay đã gần hai mùa

« Ngồi cầm bút nói chuyện với cô ở bãi

« vắng đây, tôi vẫn tưởng như đêm nào còn

« ngồi ở am nhà. Lòng vẫn ngờ ngác. Và

« trong những phút nhớ độ đường này, tôi

« tự hỏi xem mỗi lúc mình đánh mất mình

« thì đó là một điều đáng mừng hay là

« đáng tiếc.

Kính thư,

Ký tên

(Còn nữa).

LÔI VŨ

(Tiếp theo trang 19)

Quý — Bầm... cụ, cụ truyền con...

Phác Viên — Mời ông khách vào đây.

Quý — Bầm cụ, vâng.

Bình — Khoan hãy — Thưa ba, ba ngồi nghỉ
 một chốc ạ.

Phác Viên — Không, không cần (bảo Quý)
 Quý ra mời ông ấy vào đây

Quý — Dạ. Bầm cụ, vâng.

(Lỗ Quý ra Phác Viên lấy một điều xi-gà,
 Bình quẹt diêm, Phác Viên ngồi hát thuốc.)

HẠ MÀN

ĐẶNG THÁI MAI dịch

(còn nữa)

CÁI CHÍNH

Thanh nghị số 80.—

Trương 9.— giờng 30.— Con không thấy xin đọc
 Con thấy.

Trương 9.— giờng 31.— hờn y xin đọc : Phần y.

Và còn nhiều chỗ cần chữa sửa nữa. Xin đọc giả
 lượng thứ

Hiến-pháp Trung-hoa

(Tiếp theo trang 4)

Cho nên, giải quyết vấn đề này, nhà lập hiến phải rất dè dặt. Nó là một vấn đề phức tạp, có những uẩn khúc riêng của một nước Á Đông vốn đã có văn hóa cả mà nay lại mới được hấp thụ văn hóa mới. Tình thế ấy là một tình thế khác hẳn với tình thế những nước Âu Mỹ, nên ta không thể hoàn toàn bắt chước họ được.

Nhà lập hiến Trung Hoa đã theo một phương pháp gián tiếp để giải quyết vấn đề phức tạp này. Nó là một lối hoãn binh chỉ kể. Hiện trong thời kỳ huấn chính thì Quốc Dân Đảng thay mặt quốc dân giữ cả chính quyền và trị quyền, nghĩa là quyền của dân và quyền của chính phủ. Vậy nhân dân cũng chưa trực tiếp sử dụng quyền dân phiếu. Trong khi đợi, thì họ được Quốc dân đảng huấn đạo, để biết rõ nhiệm vụ và quyền lợi của mình và luyện tập cách sử dụng những công quyền mà hiến pháp đã hứa hẹn, trong công quyền đó, có quyền bầu cử. Điều 31 trong lâm thời hiến pháp có nói: « Bốn thứ chính quyền là *tuyên cử*, *bái miễn*, *sáng chế* và *phức quyết* của nhân dân đều do *quốc dân Chính phủ* (hiện nay do *Quốc dân đảng* để cử) huấn đạo »

Nói tóm lại vấn đề tư cách, học thức của cử tri, hiện nay còn ở thời kỳ thí nghiệm. Do kết quả của cuộc thí-nghiệm ấy nhà lập hiến về sau này sẽ có tài liệu dịch đáng mà giải quyết vấn đề này.

Một vấn đề nữa, cũng khó giải quyết là quyền bầu cử của phụ nữ. Hiện nay ở nhiều nước, phụ nữ đã có quyền ấy, (Anh, Đức, Mỹ và các tiểu quốc Trung Âu v. v...) Ông J. Barthelemy bàn về vấn đề này, có viết rằng: « *những nước mới thành lập hay phục hưng sau kỳ đại chiến vừa qua, coi sự nom nữ bình quyền về chính trị, như là một lẽ dĩ nhiên... Ngày nay, những nước nào mà phụ nữ không được quyền bầu cử, thì có vẻ là hạ đẳng cổ* ». Xem thế biết rằng phong trào nữ quyền đã đi đến bậc nào.

Như g. úng con có nước có một nền văn minh cổ như Pháp, Ý, chưa chịu cho phụ nữ hưởng quyền tuyển cử. Và cũng có nhà chính trị học còn phản đối thuyết nam nữ bình quyền. Ông P Esmain viết: « *Tôi thiết tưởng rằng cho phụ nữ quyền tuyển cử thì vừa không hợp lý vừa không có ích gì cho xã hội. Từ thừa có xã hội loài người, nam nữ đã chia nhau phận sự, và mỗi ngày sự phân chia công việc ấy càng rõ rệt. Đàn ông gánh công việc ngoài, đàn bà công việc trong nhà, và nhất là công việc giáo dục con cái... Ngày nay cho phụ nữ tham dự quyền chính trị, không kể đến sự phân biệt kể trên đây nó đã có hàng mấy nghìn năm, tức là thêm rối loạn cho chính trị...* »

Sự phân biệt phận sự, thực ra, rất đáng quý. Mà nếu có thể duy trì được thì cũng nên duy trì. Nhưng tiếc thay đó chỉ là một cái ảo mộng rất đẹp! Sự thực của thế giới ngày nay khác hẳn. Những cuộc chiến tranh tàn khốc thường xảy ra đã xô phụ nữ vào công việc của phái nam nhi: đó là một sự cần thiết. Kỹ nghệ, mả móc càng ngày càng bành trướng, may thay sức người càng ngày càng thuận tiện: đàn ông; đàn bà đều có thể điều khiển được, đó là một sự hiển nhiên. Với cái thực trạng ấy, không bàn hay gỡ, ta không thể ước ao những sự viển vông của thời đã qua, ta phải nhận chân hiện tại mà công nhận rằng sự phân biệt phận sự, không thể giữ mãi được. Vậy, không có lý gì mà không cho phụ nữ tham dự vào chính trị để bênh vực quyền lợi của họ.

Ở Trung Hoa, ngoài một vài nơi đô hội, tình thế phụ nữ không giống phụ nữ của Âu Mỹ. Nhưng tuy không giống hẳn mặc dầu, ta cũng phải công nhận rằng tự cổ dĩ lai, phụ nữ giữ một địa vị rất quan trọng trong nền kinh tế của xã hội. Quan niệm « phụ nữ chỉ ở chốn phòng the » thực ra chỉ đáng cho một số rất ít trong phái quyền quý phong lưu, hưởng tọa hạnh phúc sẵn

có của cha mẹ, chồng con. Còn đại đa số phụ nữ trong quốc dân phải chịu một gánh nặng trong cuộc sinh hoạt của gia đình, và dù một phần rất yếu trong nền kinh tế của xã hội. Phụ nữ Á Đông có phải chỉ nuôi con cháu (mà lẽ nuôi, con đã là một gánh rất nặng rồi!) họ còn tảo tần, kinh doanh, nghìn thứ. Kể thì cây cuốc gặt hái, người thì buôn ngược bán xuôi, từ thôn quê đến thành thị, cái hoạt động của phụ nữ trong nền kinh tế không lúc nào, không nơi nào không biểu hiện một cách rất rõ rệt. Ta phải công nhận rằng một phần đông gia đình được có quy củ, vững chãi, là nhờ sự đảm đương của người đàn bà, ấy là chưa kể biết bao nhiêu gia đình hoặc nổi cơ nghiệp hoặc giữ vững cơ nghiệp của cha ông để lại là cũng nhờ người đàn bà cần kiệm, tháo vác, đảm đang.

Giá trị kinh tế của người đàn bà Á Đông đã cao mà giá trị tinh thần của họ càng đáng kính. Về hiếu nghĩa, về liêm sỉ, về thi xả, đó là một điều không ai không công nhận. Mãi đến cả những đức tính xã hội, họ cũng có một giá trị khá quan. Đức tính xã hội đây không phải là, lối xã giao huy hoàng hời hợt nhưng rộng tuếch của một vài giới trưởng giả tân thời; tinh thần xã hội đây cũng không phải lối tuyên truyền âm ỹ của những nhân vật hiếu danh mà lập dị; tinh thần xã hội, nói như Lâm Ngữ Đường, không phải ở những phụ nữ quái vật ấy, mà chính ở những hành vi cử chỉ hàng ngày của phụ nữ đại chúng; ngoài sự thờ phụng cha mẹ và nương náu với chồng con, giữ trong gia đình một không khí hòa nhã, ấm áp, họ còn có tài ăn ở cho « êm ấm trong họ ngoài làng », « hòa hợp bên nội bên ngoại ». Biết bao nhiêu sự xích mích do đàn ông gây ra, mà nhiều khi do sự khu xử khôn khéo của các bà mà lại ổn thỏa.

Cho nên nhiều người đàn bà rất được kính trọng về tài đức của họ và có một địa vị một thanh thế rất khá quan trọng trong tộc thuộc, trong hương đảng.

Ài đã sống ở nơi hương thôn hay gần với dân chúng cần lao nơi thành thị không thể không công nhận tình thế ấy.

Vậy không có lý nào mà không thừa nhận

địa vị của phụ nữ trong trường chính trị.

Có người sẽ ngại rằng đàn bà xưa nay chưa tham dự công việc chính trị, sợ không đủ tư cách chẳng? Nhưng thực hãy hỏi đàn ông, nhất là nơi hương thôn có lo ngại gì không? Có lẽ hơn là hơn ra nơi dinh trung say sưa ăn uống, hơn là hơn xui bị dục nguyên; còn như thật công tâm công ích, thì quả đàn ông không hơn gì đàn bà.

Tôn Văn đã nhận thấy thế nên không ngần ngại tuyên bố, nam nữ bình quyền. Năm Dân Quốc 13, tháng tư ngày mồng bốn, trong một bài diễn trước thính giả phụ nữ, Tôn tuyên bố: « Chúng tôi chủ trương dân quyền cách mệnh sẽ bỏ hết giai cấp, cho ai ai cũng bình đẳng về phương diện chính trị. Vậy nam nữ cùng bình đẳng. Cho nên sau khi chúng tôi thành được cách mệnh bèn thực hành thuyết nam nữ bình quyền, ở tỉnh nghị hội Quảng Đông có nữ nghị viên. Nữ nhân cũng như nam nhân, cũng làm nghị viên bàn định quốc gia đại sự... » (Tôn Văn toàn tập, quyền 3 tr. 279).

Hiến pháp Trung Hoa, trong điều thứ 6 cũng công nhận sự bình quyền nam nữ.

Vậy nói tóm lại về quyền bầu cử thì hiến pháp Trung Hoa theo chế độ hoàn toàn phổ thông tuyển cử, không hạn chế tiền tài, không hạn chế học lực và cũng không hạn chế giai cấp. (Còn nữa) P. A

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH-TIM

KHÔNG PHAI MÀU — KHÔNG CẶN

CÓ BÁN TẠI CÁC HÀNG SÁCH. Bán buôn theo giá Hội Đồng Hóa Giá ấn định

DO VAN THIEU

68 — Maréchal Foch

Vinh, Boite post. n° 11

F I Z U E ~ ~ ~

Thượng hội nghị — Việc trợ cấp nạn nhân chiến tranh về những động sản bị tổn hại —

Thượng Hội-nghị

Sắc-lệnh ngày 15 juillet 1944 do nghị-định quan Toàn-Quyền ban hành ngày 11 août 1944 đã thiết lập ở Đông-Dương một Thượng Hội-nghị.

Đặt dưới quyền chủ-tịch của quan Toàn-Quyền, Thượng Hội-nghị gồm những nhân-viên sau này : ông Thống - soái, Tổng chỉ-huy quân - đội Đông Dương, Ông Phó Toàn-Quyền, Ông Giám-đốc sở Tài-chính, Ông Giám-đốc sở ngoại giao, Ông Giám-đốc phòng Chính-trị, Ông Đồng-lý văn-phòng quan Toàn-Quyền làm thư-ký hội-đồng và có quyền bàn luận. Nếu cần thì ông Chủ-tịch có thể mời thêm những quan thủ hiến các xứ, các ông Thống-tướng Hải-quân và không-quân, các ông giám-đốc các sở thuộc phủ Toàn-Quyền những ông này có quyền bàn về những việc trong phạm-vi quyền hạn của họ.

Thượng Hội-nghị có tính cách tư vấn, do quan Toàn-Quyền chiền tập, sẽ họp để bàn về những vấn đề chính-trị mà quan Toàn-Quyền xét ra cần phải hỏi ý-kiến Hội-nghị. Những nhời bàn cãi trong hội nghị phải giữ bí-mật.

Thượng-Hội-Nghị (Haut Conseil) có khác Hội-đồng Chính-phủ (Conseil du Gouvernement) xưa nay vẫn có. Cả hai đều là hội-đồng tư-vấn tối cao. Nhưng hội-đồng Chính-phủ gồm tất cả các quan Thủ-hiến cùng tất cả các ông giám-đốc các sở thuộc phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền chiền tập để hỏi ý-kiến về những vấn đề hành-chính quan trọng. Còn Thượng-hội-nghị chỉ gồm có mấy-vị quan chức có trách-nhiệm tối cao về nội-trị ngoại-giao và phòng thủ, mà những vấn đề đem bàn trong hội-đồng, như sắc-lệnh đã nói rõ ràng, là những vấn đề chính-trị.

Thượng-hội-nghị đã họp lần đầu tiên ngày 26 Août dưới quyền chủ tọa của quan Toàn-quyền, có đại-tướng tổng chỉ-huy quân-đội Đông-dương Agnès, ông phó Toàn-quyền Cousin, ông giám-đốc sở ngoại-

giao de Boisanger, ông giám đốc sở chính-trị Chauvet, ông Đồng-lý văn-phòng Aurillac.

Việc trợ cấp nạn nhân chiến-tranh về những động-sản bị tổn hại

Việc này đã đăng ở Thanh-Nghị số 76.

Một tờ thông tư của quan Toàn-quyền ngày 17 Juillet 1944 gửi cho các quan thủ-hiến địa-phương đã giải thích vài điều khoản trong sắc lệnh ngày 26 Mai 1944 cho rõ nghĩa.

1.) Trước hết sắc lệnh chỉ kể đến những động-sản bị tổn hại. Những nhà cửa bị tàn phá không được tính vào việc xin trợ cấp. Đang lúc chiến-tranh này, việc xây dựng lại các nhà cửa thực không hợp thời vì luôn luôn có thể xảy ra sự tàn phá. Tuy nhiên, muốn phân biệt động-sản với bất động-sản, người ta phải dựa vào tình thế hiện thời và pháp-luật hiện hành ở Đông-dương.

Những nhà ở của dân Đông-dương ở nhà quê và chung quanh các thành-phố vì làm bằng những vật liệu và những lối đặc biệt nên phải được coi là động-sản chứ không phải bất-động-sản. Và lại pháp-luật cũng công nhận như thế. Điều 450, 2, trong Dân-luật Bắc-kỳ nói rằng : «... Những bất-động-sản vì tính-chất là những nhà cửa, trừ những nhà lá và những nhà tháo ra lắp vào được...» Những nhà lá và nhà tháo ra lắp vào được (tức là nhà gỗ) làm bằng những vật liệu nhẹ nhàng, dùng làm nơi bếp nước và trú ngụ cần thiết cho nhiều người không được sung túc lắm : với một vài thứ đồ đạc và đồ dùng, những nhà ấy là tất cả cơ nghiệp của họ. Người ta không thể bảo họ bỏ đồng ruộng và công việc mà đi ở chỗ khác, trong khi đợi một công trình kiến thiết nhà cửa sau chiến tranh : Bởi vậy, phải nên xét tình cảnh ấy mà trợ cấp cho họ để họ đứng lại nơi ẩn chốn ở.

(Xem tiếp trang 27)

== DAN QUÊ BẮC KỲ ==

(Tiếp theo trang 6)

các xã, những người thay mặt quyền trung-ương, bận về nhiều việc khác, chỉ can-thiệp vào việc nội-trị các làng để phòng hay trừng-trị những sự nhiễu-lạm mà thôi. Mà ngoài những quan-chức thay mặt quyền trung-ương thì hiện nay không có một uy-quyền nào có thể sai bảo hay sai khiến được các xã hợp nhau lại mà theo đuổi những công-cuộc lợi-chung.

Tôi còn có dịp nói đến cái óc « thôn-dãng » nữa, khi tôi xét đến sự phân chia các làng ra thôn, xóm hay giáp. Ta đừng nên tưởng rằng làng là một đơn-vị cai-trị đơn giản; đó là một đơn-vị phức-tạp do nhiều phần-tử kết hợp lại.

Trước hết tại nhiều làng, dân đông ở tụ-tập thành nhiều nhóm khác nhau có khi tới non một cây số. Những nhóm nào mới thành-lập chừa được quyền tự-trị còn phụ-thuộc một thiết vào làng gốc thì thường gọi là *trai*; còn nhóm nào đã được sống một đời riêng thì gọi là *thôn* vì mỗi thôn có một ban hương-hội riêng.

Những làng nhỏ thì không chia ra thôn; nhưng làng nào cũng chia ra từng *xóm* họp nhiều nhà ở liền khu với nhau hoặc cùng đi chung một ngõ.

Ta có thể nói rằng *thôn* và *xóm* là những đoàn-thể tự-nhiên do sự trực-tiếp hàng ngày, do vị-trí nơi ở mà có. Nhưng đây là điều mà có thể ít người ngoại-quốc hiểu được: làng nào cũng còn chia ra thành *giáp*, có nơi hai ba giáp, có nơi bảy tám hay hơn một chục hoặc vài chục giáp!

Thường thường mỗi giáp họp một *sở họ sống* ở trong làng, nhiều hay ít không ư ất định; nhưng cũng có khi một họ có chi ở giáp này có chi ở giáp kia. Tôi lại biết một làng có bốn giáp, gọi là Đông, Đoài (tức là Tây), Nam, Bắc và có lệ không

biết chuyển tự đời nào cứ một đứa con giai để sắp vào giáp Đông, thì đứa sau bắt buộc sắp vào giáp Đoài, rồi đến đứa thứ ba vào giáp Nam, đứa thứ tư vào giáp Bắc và cứ lần lượt như thế mãi. Tuy nhiên lệ đó có thể chỉ có làng ấy theo mà thôi, còn hình như ở đâu con giai cũng theo giáp bố.

Ngoài *thôn* là một đoàn-thể đã gần đủ điều-kiện để sống như một làng thì ở trong làng đoàn-thể hoạt-động nhất là *giáp*.

Người cùng giáp thường hội họp riêng với nhau (mỗi giáp đã có một nơi dành riêng ở trong đình) để cúng tế, chung tiền mồ lợn về những dịp tốt hay hội, và nhất là để làm một công-việc tối quan-trọng đối với dân-quê Việt Nam, là chôn cất người trong nhà hay trong họ mệnh-một.

Về việc này có nơi chia ra việc đào mộ thì giao cho hàng thôn còn việc « đưa tùy » (tức là khiêng người chết từ nhà ra đồng) thì giao cho hàng giáp; nhưng ở đâu, hàng giáp cũng giữ một địa-vị quan-trọng và thường thường là kiêm cả hai việc đào mộ và đưa tùy, còn làng thì chỉ can-thiệp đến việc tang khi nào có một người « *dần anh* » mệnh-một hay có sự-chủ mới dự.

Ngoài việc tế-tự và ma chay, giáp, cũng như thôn hay xóm, còn có những quyền - lợi, những lệ-luật, ngôi - thứ cùng những của cải riêng. Những của ấy thường là những ruộng của tư-nhân cũng để lập hậu, (tức là để hàng năm dân giáp họp để tể vào ngày đổ); một phần công điền do làng cắt ra giao cho để làm một công việc nhất định (thí-dụ như để tư-cấp cho người dâng-cai là người đến lượt phải trông nom giếng nước ở đình trong cả một năm). Một đôi khi giáp cũng có tiền riêng, hoặc do nhân-viên trong giáp đóng hoặc do ở sự cầm cố ruộng mà có; tiền ấy thường giao cho mấy người đứng đầu trong giáp nhận để sinh lợi bằng cách cho vay lãi từ ba tới năm phần một tháng.

Ta không hiểu sự chia làng ra từng giáp do ở đâu mà có và có tự bao giờ. Nhưng hiện nay ở thôn quê vẫn còn thường thấy những giáp cũ phân chia ra làm hai ba giáp mới. Không có lệ luật nào ngăn cấm sự chia rẽ ấy mà cũng không có lệ-luật nào nói rõ phải do nưng điều kiện gì thì một nhóm người mới được công-nuận thành một giáp.

Những nguyên nhân làm cho «chia giáp» thường không ra ngoài sự cạnh tranh nhỏ nhen ở nơi tương đương: hai họ đánh nhau hay kiện nhau rồi sinh thù nhau nhất định không chịu «an ngồi» cùng chiếu với nhau nữa; một viên, kỳ-mục vốn van ngồi bàn nhất trong giáp nay thấy một tên bạch đình đi lính sắp về mà lại được chút «cư phẩm» liền gây chuyện để chia giáp cho khỏi phải ngồi dưới người «chức sắc» mới kia v. v...

Sự chia làng ra nhiều thôn, xóm và nhất là giáp như thế có lợi hay có hại cho việc cai trị và sự tiến bộ của làng?

Đó là vấn đề tôi sẽ xét qua trong kỳ sau.

(Kỳ 23 Septembre sẽ tiếp)

T. P.

Vì thiếu chỗ nên bài

TỔ CHỨC KINH-TÊ Ở NƯỚC ĐỨC

để lại kỳ sau

VIỆC TRỢ CẤP NẠN NHÂN...

(Tiếp theo trang 25)

2.) Số tiền trợ cấp không tính theo hạng người, không tính theo giai cấp xã-hội của nạn nhân, mà tính theo số người trong gia đình nhất là tính rất lợi cho gia đình đông con cái. Nhưng cũng nên nhận là sắc lệnh chỉ ấn định những số tiền trợ cấp tối cao và các ủy ban có nhiệm vụ đề nghị số tiền giúp được quyền thăm sát gia-tình riêng của mỗi nạn nhân, những sự thiệt thòi và những nhu cầu của họ liệu định số tiền giúp tùy từng người trong phạm vi những con số tối cao kia.

3.) Số tiền trợ cấp không nên coi là sự bồi thường nạn nhân, có thể hoàn lại cho họ tất cả những thứ họ đã mất. Không kể ra, trong tình thế khan hàng này, việc sắm lại đủ mọi đồ bị hư hại là một việc không làm được, mà nên nhớ rằng đây không phải là «sự bồi thường những thiệt hại vì chiến-tranh» (réparation des dommages de guerre) nó chỉ có thể thực hành được trong thời kỳ mà sự yên ổn và vững chãi đã giữ lại: — đây chỉ là sự giúp đỡ nạn nhân trong việc gây dựng lại bằng những cách tạm bợ, các nơi an nghỉ đã bị tan phá để sống trợ thì trong khi đợi những ngày tốt đẹp hơn.

Số tiền trợ cấp ấy sẽ trừ vào số tiền bồi thường mà sau này họ được hưởng khi có một đạo luật định về việc xây dựng lại những tài sản bị tàn phá vì chiến tranh ở Đông-dương. Bởi vậy những số tiền trợ cấp sẽ được biên chép phân minh vào sổ sách, giao cho ông Thanh-tra Lao-động coi giữ để sau này để tính toán.

V. H

Trong số 16 Septembre 1944

- Tư tưởng và nhân sinh
- Học thuật và hành động (giả lời cho bạn).
- Tổ chức kinh tế ở nước Đức.
- Điều tra về đồn điền: Một đồn điền lớn để hỏng vì thiếu sự trông nom.
- Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ ta.
- Vua Gia long với nước Xiêm nước Lạp.
- Tiểu thuyết Tàu.
- Lối vũ.
- Vong ngộ đồng.

PHAN ANH
THANH TUYỀN
ĐỖ ĐỨC DỤC

VŨ BÌNH HOÈ
NGHIÊM XUÂN YÊM
NGUYỄN THIỆU LAU
LÊ BÌNH CHÂN dịch
BẠNG THÁI MÃ dịch
NGUYỄN TUÂN

MỖI XUẤT BẢN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông-phương!
lạ nhất nhân loại!)

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

*

Giấy thường. 30\$00

Giấy dó, hộp lụa 75\$00

Giấy Bạch-minh-châu, hộp gấm (hết) . . 200\$00

(Cước gửi 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi:
NHÀ IN MAI LĨNH HANOI

SẮP CÓ BÁN

THO' MÂY NGÀN

Bài 2 màu — Bìa 3 màu. In toàn giấy
đặc biệt do họa-sĩ MẠNH-QUỲNH
trình bày. Số in rất ít, nên đặt trước
tại các hiệu sách quen kẻ hết.

CÒN RẤT ÍT

Việt Hoa Thông Sử Sử Luận. 5\$00

Không Tử Học Thuyết (I) 4. 50

Lịch-Sử Báo-Chí 2. 00

Nghệ-Thuật và Danh-Giáo 2. 50

Phu-Nữ Việt-Nam 2. 50

Tân Hiếu Kinh 1. 20

Du-Thuyết Yếu-Thuật 3. 80

QUỐC HỌC THƯ XÃ



TỦ SÁCH

“TÂN VĂN HÓA”

25 Septembre 1944

SẼ PHÁT HÀNH:

HỌC THUYẾT KINH TE

TIỂU ĐẪN GIÁ 4\$00
của Nguyễn Hải Âu

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC

NGÀY 10-10-44

SƠ DẪU CỦA
VAN-MO'I

— Tạp chí Nghị luận —

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA
TỰ TRÀO TÂN VĂN HÓA

— HAN THUYỀN —
71, Tien Tsin, Hanoi

Đã có bán

ĐỒNG TIỀN HAI MẶT

Truyện thơ rất cảm động
Hai cuốn trọn bộ, Giá 2\$50 + 2\$60
của NGUYỄN KHẮC MÃN

Đang in

CON TRỜI NGÃ XUỐNG ĐẤT ĐEN
Việt sử giai thoại của ĐÀO TRINH NHẬT

ANH THƯ ĐỜI MẠC
Lịch sử Tiểu thuyết của CHU THIÊN

LÒNG CHA

Giáo dục Tiểu thuyết
của NGUYỄN KHẮC MÃN

Còn một ít

HÀN NAM QUAN của HOÀNG CẨM
TRE THƠ và THƠ NG. ĐỨC CHÍNH
TARZAN NGƯỜI KHỈ của TỰ CƯỜNG
(Loại giải trí) Giá 3\$25

Nhà xuất-bản NGƯỜI BỐN PHƯƠNG
Giám - đốc; ĐỖ XUÂN GIỒNG
6, phố Đường Thành — Giấy nót: 212 Hanoi